

Số: /28.1 /VIH-TCKT

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021.

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021**

### **Phần thứ nhất**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.**

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi.

Đứng trước những thách thức đó, với bề dày kinh nghiệm sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực gạch ốp lát ceramic cùng với sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ của Tổng công ty, của Hội đồng quản trị Công ty cũng như các đơn vị trong Tổng công ty, các Ngân hàng, các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

### **BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

#### **1. Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Viglacera- CTCP và sự hỗ trợ, hợp tác của các công ty trong nhóm.

- Nhận được sự hợp tác, trao đổi thường xuyên, liên tục với Công ty bao tiêu sản phẩm để đưa ra kế hoạch sản xuất trên cơ sở đơn đặt hàng nhằm tiêu thụ hết hàng sản xuất trong tình hình dịch Covid 19 kéo dài.

- Các đối tác cung cấp đầu vào là những khách hàng có năng lực nên đảm bảo duy trì ổn định được nguồn nguyên liệu cũng như giá bán trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài và diễn biến phức tạp.

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề tuyển dụng, đào tạo cán bộ trẻ, có năng lực trình độ để làm nguồn nhân lực dự trữ cho sự phát triển của Công ty trong dài hạn.

#### **2. Khó khăn:**

Khó khăn chung của đại dịch Covid 19 ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của Công ty, cụ thể:

Nhà máy Hải Dương sau khi hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn theo kế hoạch thì tiếp tục phải dừng thêm 16 ngày mới khởi động sản xuất trở lại.

Ảnh hưởng của các đợt dịch bùng phát trong Tháng 4, tháng 8 năm 2020 một số tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 và 19 của Chính Phủ cũng làm ảnh hưởng đến công tác bán hàng của Công ty tại các thị trường nội địa. Một số nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào cũng bị hạn chế khả năng cấp hàng trong một số khoảng thời gian nhất định.

Ảnh hưởng dịch Covid 19 tại một số nước Châu Âu đã làm cho tiến độ cung cấp thiết bị chậm gần 3 tháng và doanh thu xuất khẩu cũng bị sụt giảm.

Ngoài ra, năm 2020 tình trạng bão lũ nhiều và kéo dài khắp các tỉnh trên cả nước cũng có tác động xấu đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **3. Kết quả đạt được:**

Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội thực hiện các biện pháp phòng dịch và tổ chức sản xuất linh hoạt, đồng loạt thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát huy mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt các mặt hoạt động của Công ty.

Cân đối việc duy trì năng suất sản xuất của các dây chuyền tại 2 Nhà máy với tình hình tiêu thụ từng tháng đối với từng vùng thị trường sao cho:

- + Đảm bảo việc duy trì SX cả 4 dây chuyền, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- + Hạn chế tồn kho thành phẩm quá lớn, việc bảo quản lượng hàng lớn và thời gian tồn kho lâu dễ dẫn đến tình trạng mất phẩm chất sản phẩm, lặc hậu, lỗi mốt. Tồn kho thời điểm 31/12/2020 tương đương 1,3 tháng sản xuất.

#### **\* Về sản xuất:**

Trong năm 2020, Công ty tập trung vào việc tăng giá trị sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:

- Liên tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu thay thế chất lượng tốt, giá thành hợp lý.
- Duy trì tốt công tác quản trị trong sản xuất, giao khoán giá thành cho các Nhà máy.
- Tập trung bảo dưỡng sửa chữa, sản xuất trở lại đúng tiến độ và máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất ổn định trong cả năm, qua đó thấy được công tác BDSC đạt chất lượng.
- Cải tạo bài phối liệu xương Socola phù hợp với sản phẩm mới: 200x200 Platinum; 500x500 Bán sứ; 300x600 và 600x600 Platinum; 200x200 bán sứ, 100X300 bán sứ
- Thực hiện đúng các thông số công nghệ, quy trình công nghệ, tăng cường các biện pháp kiểm soát thông số công nghệ tại từng công đoạn, từng vị trí trên dây chuyền sản xuất.
- Đẩy mạnh công tác phát triển, thử nghiệm mẫu mới, các dòng sản phẩm ứng dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với máy móc thiết bị và công nghệ hiện tại của 2 nhà máy để nâng cao giá trị sản phẩm sản xuất.

#### **\* Về nhân sự và đào tạo:**

Tiếp tục cơ cấu bộ máy theo hướng tinh gọn, thực hiện luân chuyển cán bộ ở những vị trí nhạy cảm, luân chuyển những trường hợp không đạt yêu cầu.

Thường xuyên mở và tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty cũng như của xã hội.

Quản lý tốt công tác an ninh trật tự, trong công ty không để xảy ra trộm cắp, mất mát tài sản của Công ty, an ninh trật tự trong toàn công ty được đảm bảo.

Công tác Y tế luôn được thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước cũng như các qui định của Công ty.

Thành lập Ban phòng chống dịch Covid 19 và triển khai đến các Nhà máy, các cá nhân người lao động. Luôn tuân thủ đúng, nghiêm ngặt các quy định của Chính Phủ trong từng giai đoạn.

Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện các nội qui, qui định về công tác an toàn lao động trong toàn công ty.

**\* Về tài chính:**

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, báo cáo các cơ quan chức năng, gửi Báo cáo thường niên Công ty Cổ phần đại chúng đúng, đủ theo quy định hiện hành.

- Lập và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm; Đảm bảo được dòng vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư trong kỳ.

- Thường xuyên cập nhật chế độ, chính sách của Chính Phủ và Ngân hàng để linh hoạt trong công tác tài chính.

- Thực hiện tốt công tác tiết giảm chi phí tài chính.

- Chi trả tiền lương, trợ cấp cho NLĐ đầy đủ, kịp thời. Chi trả các khoản nộp NSNN như BHXH, BHYT... đầy đủ, đúng thời hạn.

- Thực hiện điều tiết linh động kế hoạch vật tư, bám sát kế hoạch sản xuất, tiêu thụ đảm bảo giảm tối đa lượng linh kiện vật tư tồn kho.

- Thực hiện khoán quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật, kiểm soát đánh giá các chi phí về sản xuất, chi phí quản lý, chi phí bán hàng và chi phí tài chính công tác vận hành tài chính đảm bảo đủ vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư;

**\* Về kinh doanh:**

Phối kết hợp với Công ty CPKD Gạch ốp lát Viglacera và Công ty CP Thương mại Viglacera triển khai công tác bán hàng, mở rộng thị trường đảm bảo đạt các chỉ tiêu kinh doanh (Doanh thu, sản lượng bán, tồn kho, giá bán bình quân) kế hoạch 2020 đề ra.

Tuy tình hình tiêu thụ năm 2020 có nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn cố gắng bán hàng và xử lý hàng tồn nhỏ lẻ để nhằm giảm hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn; tồn kho an toàn.

**Nhờ đó, năm 2020 kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra, cụ thể như sau:**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	SS TH2020/2019	SS 2020 TH/KH
1	Sản lượng SX	1.000m <sup>2</sup>	10,361	9,291	9,274	89.5	99.8
2	Sản lượng TT	1.000m <sup>2</sup>	9,876	9,560	9,370	94.9	98.0
3	Doanh thu SPC	trđ	565,674	543,000	560,608	99.1	103.2
4	Lợi nhuận trước thuế	trđ	15,102	15,000	15,102	100.0	100.7
5	Khấu hao cơ bản	trđ	17,085	17,200	17,085	100.0	99.3
6	Thu nhập bình quân	ngđ/ng/thg	11,854	11,600	11,972	101.0	103.2

#### 4. Đánh giá chung hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

##### 4.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất:

###### \* Sản lượng sản xuất:

Năm 2020, sản lượng sản xuất toàn Công ty đạt 9.274 ngàn m<sup>2</sup> bằng 99,8% KH năm.

###### \* Chất lượng sản phẩm:

Chất lượng sản phẩm A1/(A1+A2): toàn Công ty đạt 95% bằng 100% so với kế hoạch.

Các nguyên nhân gây lỗi chất lượng sản phẩm: Nhà máy đã thực hiện và triển khai kiểm soát vấn đề chất lượng sản phẩm và áp dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo TCCS GOL 02:2013.

- Nhà máy Viglacera Hải Dương: chất lượng sản phẩm đạt TCVN, TCCS. Các giải pháp về vấn đề chất lượng đã được khắc phục triệt để như: lỗi chấm đen bề mặt, kiểm soát chặt chẽ việc in lưới đặc biệt là các mẫu nhiều lưới.

- Nhà máy Viglacera Yên Phong: chất lượng sản phẩm đạt TCVN. Bài phối liệu xương men tương đối ổn định đáp ứng yêu cầu về chất lượng của thị trường trong nước và xuất khẩu.

\* **Tỷ lệ hao hụt** : Tổng hư hao sản phẩm thực hiện của toàn Công ty: 4% đạt KH.

###### \* Chi phí sản xuất:

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ giá, chất lượng và quy trình nhập xuất nguyên nhiên vật liệu, vật tư, hàng hóa.

- Nghiêm túc thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh rộng rãi các nguyên nhiên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị, trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

- Chọn thời điểm để ký cam kết bảo lãnh giá mua nguyên liệu PLG thấp và ổn định trong suốt năm 2020 góp phần giữ ổn định giá và tiết giảm chi phí sản xuất trong kỳ, tăng lợi nhuận cho Công ty.

- Hàng tháng hoặc khi có biến động về giá cả thị trường, Công ty chủ động đàm phán với các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu, vật tư đầu vào để giảm giá mua nhằm giảm giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo ổn định chất lượng.

## 4.2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

### \* Về công tác kinh doanh:

Đánh giá tình hình kinh doanh chung của nhóm gạch ốp lát cũng như trên thị trường gặp nhiều khó khăn. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và thiên tai xảy ra liên tục từ giữa năm trên khắp các tỉnh thành trên toàn quốc đặc biệt từ miền trung trở vào. Thị trường nội địa sức mua của người tiêu dùng giảm sút, tiến độ các công trình dự án bất động sản kéo dài nhiều thời gian, địa điểm gần như không hoạt động xây dựng do phải thực hiện chỉ đạo giãn cách xã hội của Chính phủ. Thị trường xuất khẩu cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tình trạng dịch bệnh kéo dài và nguy hiểm ở nhiều quốc gia, việc vận chuyển hàng hóa, hoạt động logistic ở nhiều cảng biển của gặp rất nhiều khó khăn.

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 556.591 tỷ đồng bằng 103% so với KH.

Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bao tiêu sản phẩm đầu ra trong công tác tiêu thụ sản phẩm từ công tác chăm sóc mẫu, phát triển sản phẩm mới đến việc xây dựng kế hoạch tiêu thụ chi tiết cho từng vùng miền, từng khách hàng.

Phối hợp với Công ty Kinh doanh và Công ty Thương mại đưa ra phương án bán hàng tồn kho, đuôi màu nhỏ lẻ để luôn đảm bảo an toàn trong công tác bán hàng, hàng tồn kho và giảm chi phí tài chính.

So với năm 2019 Công ty phát triển thêm được 7 dòng sản phẩm mới.

Trong đó:

+ 3 dòng SP của thương hiệu Viglacera là KT 50x50 bán sứ và KT20x20 bán sứ và KT10x30 bán sứ.

+ 3 dòng SP của thương hiệu Platinum là KT20x20 bán sứ và KT30x60 bán sứ và KT60x60 bán sứ.

Các dòng sản phẩm mới đều được sản xuất trên cả 4 dây chuyền của 2 Nhà máy cho thấy sự đầu tư, nghiên cứu và phát triển đồng đều trong cả Công ty.

Công tác xuất khẩu cũng được Công ty quan tâm, phối hợp tốt với Phòng Xuất khẩu- Công ty Kinh doanh và thương mại thực hiện ổn định đơn hàng ceramic 400x400, 600x600 tại thị trường Philippin và phát triển thêm được sản phẩm 300x300 và 400x400 tại thị trường CuBa.

### Thực hiện doanh thu xuất khẩu năm 2020 như sau:

Tên công ty xuất khẩu	Thực hiện 2019		Thực hiện 2020		SS doanh thu (%)	
	Sản lượng (m <sup>2</sup> )	Doanh thu (trđ)	Sản lượng (m <sup>2</sup> )	Doanh thu (trđ)	SL TH/cùng kỳ	DT TH/cùng kỳ
Công ty KD	206,215	12,343	270,282	16,300	131	132
Công ty TM	255,184	14,083	175,493	8,686	69	62
<b>Cộng</b>	<b>461,399</b>	<b>26,426</b>	<b>445,775</b>	<b>24,986</b>	<b>97</b>	<b>95</b>

### 4.3 Chỉ tiêu thu hồi công nợ

Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả đang có phát sinh Công ty định kỳ đối chiếu tháng/lần.

Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả lâu ngày Công ty thành lập Tổ công nợ thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu, đôn đốc và định kỳ 3 tháng, 6 tháng gửi Biên bản đối chiếu tới khách hàng, trực tiếp đến đối chiếu, một số khách hàng nợ phải thu đã chuyển hồ sơ ra tòa và các cơ quan pháp luật giải quyết.

#### 4.4 Đánh giá công tác tài chính:

##### \* Chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đạt 15.102 triệu đồng, Công ty hoàn thành 107% so với kế hoạch.

##### \* Chỉ tiêu khấu hao tài sản cố định

Thực hiện khấu hao TSCĐ là 17.085 triệu đồng/ KH 17.200 triệu đồng bằng 99,3% KH do 1 số hạng mục đầu tư bị ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên thực hiện chậm so với KH.

##### \* Chỉ tiêu hàng tồn kho:

Sản lượng tồn kho toàn Công ty đến 31/12/2020 là 1.332.000 m<sup>2</sup> tương đương 74.292 triệu đồng, tương đương 1,3 tháng sản xuất.

##### \* Năng suất lao động và thu nhập bình quân.

- Lao động bình quân năm 2020 là 435 người giảm so với KH 11 người.
- Năng suất lao động tính theo doanh thu là: 1.288 triệu đồng/người/năm đạt 107% so với kế hoạch và đạt 96,4% so với thực hiện 2019.
- Thu nhập bình quân của người lao động đạt 11.854 triệu đồng/người/tháng đạt 102% so với kế hoạch và đạt 110% so với thực hiện 2019.

#### 4.5 Công tác đầu tư, sửa chữa định kỳ:

Triển khai việc đầu tư, cải tạo máy móc thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ kế hoạch đã lập. Thực hiện công tác Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác đấu thầu đối với các gói thầu trong nước, quốc tế theo Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty và theo quy định của Nhà nước.

#### 5. Phương án chia cổ tức năm 2020:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 Công ty đạt 15.102 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 12.458.599.935 đồng. Ban điều hành Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	12.458.599.935
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	3.737.579.981
3	Chi tiền lương HĐQT	168.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty	1.245.859.994
5	Chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% V&L, dự kiến chi trong quý III/2021	5.600.000.000
6	Lợi nhuận để lại năm sau	1.707.159.961

**Phần thứ hai**  
**KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021 VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Lợi nhuận trước thuế	trđ	18.000
2	Khấu hao cơ bản TSCĐ	trđ	20.900
3	Thu nhập bình quân	Trđ/ng	12.300
4	Doanh thu	trđ	596.800

**1. Mục tiêu:**

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu KH 2021 (Doanh thu, Lợi nhuận, Sản lượng tiêu thụ, thu nhập bình quân ...) theo đúng KH TCT giao;

- Chất lượng sản phẩm: Đạt 95%  $A1/(A1+A2)$  tại 02 NM ngay từ đầu năm 2021. Sản phẩm sản xuất tại Nhà máy Viglacera Hải Dương đạt TCCS; sản phẩm sản xuất tại Nhà máy Viglacera Yên Phong: Dây chuyền 2 đạt TCVN, Dây chuyền 1 đạt TCCS;

- Phát huy 100% công suất thiết kế của 04 dây chuyền tại 02 Nhà máy;

- Sản phẩm mới: Nghiên cứu sản xuất các dòng sản phẩm mới có tính thẩm mỹ cao, có nhiều hiệu ứng bề mặt, bài xương chocolate....

- Tiếp tục vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Công ty.

**2. Nhiệm vụ trọng tâm - Giải pháp thực hiện:**

**2.1 Công tác sản xuất:**

- Hai Nhà máy lập phương án sản xuất dịp tết Nguyên đán đảm bảo an toàn, hiệu quả (Nhân sự, cơ cấu SP, công tác dự trữ nguyên liệu; biện pháp an toàn; tiêu chuẩn nghiệm thu, chế độ cho người lao động ... ). Hoàn thành và trình HĐQT Công ty phê duyệt xong trước 31/01/2021.

- Công tác dự trữ nguyên liệu: Thực hiện kế hoạch thu mua dự trữ nguyên liệu đất sét đảm bảo ổn định sản xuất trong năm 2021, sản lượng dự trữ tối thiểu  $\geq 6$  tháng sản xuất tại kho/bãi của mỗi Nhà máy;  $\geq 01$  năm đối với kho/bãi của nhà cung cấp (có đưa vào điều khoản hợp đồng cung cấp đất sét); Chất lượng nguyên nhiên liệu ổn định, phối hợp kiểm định chất lượng với Viện NC&PT Viglacera.

- Chất lượng sản phẩm, tỷ lệ thu hồi, tỷ lệ chất lượng:

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng và tỷ lệ thu hồi sản phẩm trên cơ sở kiểm soát chất lượng, số lượng nguyên liệu đầu vào; Kiểm soát chặt việc thực hiện quy trình công nghệ tại các Nhà máy, tăng cường kiểm soát sản phẩm cuối cùng từ khâu phân loại đóng gói đến bốc xếp giao hàng.

Chất lượng sản phẩm  $A1/(A1+A2)$ : toàn Công ty 95%. Tỷ lệ hao hụt : Tổng hư hao sản phẩm của toàn Công ty: 4%.

- Phối hợp với viện NC&PT Viglacera đánh giá chất lượng sản phẩm của các đơn vị hàng tuần, hàng tháng để có giải pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

- Tiết giảm chi phí: Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp đầu tư cho cơ giới hóa – tự động hóa để tăng năng suất, giảm lao động thủ công, nâng cao năng lực sản xuất và tiết giảm chi phí để giữ vững lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- Tìm nguồn nguyên nhiên vật liệu thay thế để giảm giá thành, tăng chất lượng sản phẩm phù hợp với từng dây chuyền sản xuất của Nhà máy.

- Vận hành sản xuất ổn định, cam kết thực hiện tốt ATLĐ - VS - PCCN về người và thiết bị.

## **2.2 Công tác kinh doanh - thương mại:**

- Phát triển thị trường, thương hiệu: Phối kết hợp với Công ty CPKD Gạch ốp lát Viglacera triển khai công tác bán hàng, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu đảm bảo đạt các chỉ tiêu kinh doanh (Doanh thu, sản lượng bán, tồn kho, giá bán bình quân) kế hoạch 2021 đề ra.

Cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm từ công tác chăm sóc mẫu, phát triển sản phẩm mới đến việc xây dựng kế hoạch tiêu thụ chi tiết cho từng vùng miền, từng khách hàng.

- Chú trọng công tác thị trường như: lựa chọn, xây dựng các nhà phân phối đủ tiềm lực tài chính, có năng lực thị trường tốt, phù hợp để đảm bảo khả năng tiêu thụ sản phẩm Viglacera Hà nội cũng như các sản phẩm của các đơn vị Viglacera trong Nhóm GOL.

- Về công tác đặt hàng - sản xuất cho phù hợp, đáp ứng đúng về chất lượng, số lượng sản phẩm kịp thời phục vụ công tác bán hàng được thuận lợi, nhanh chóng nhất.

- Định kỳ kiểm kê kho thành phẩm để bán hàng tồn kho có số lượng ít, đuôi màu nhỏ lẻ để luôn đảm bảo an toàn trong công tác bán hàng và hàng tồn kho.

## **2.3 Công tác đầu tư:**

- Công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị: Triển khai sửa chữa bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được phê duyệt ở cả hai Nhà máy, sớm đưa vào khai thác và phát huy hiệu quả sau đầu tư sửa chữa.

- Khảo sát lên phương án đầu tư, mua bán, sáp nhập để mở rộng quy mô của Công ty giai đoạn 2022 - 2025.

## **2.4 Công tác phát triển sản phẩm mới:**

- Liên tục cập nhật, đầu tư công nghệ kỹ thuật mới nhằm tạo ra những mẫu sản phẩm mới giá trị cao;

- Phối hợp với trung tâm mẫu của Công ty CPKD Gạch ốp lát Viglacera thiết kế, thử nghiệm để đưa ra các mẫu sản phẩm mới cả về kích thước, mẫu mã sản phẩm, ứng dụng công nghệ mới trên bề mặt sản phẩm... nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của khách hàng phù hợp với năng lực và công nghệ sản xuất của Công ty, mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

## **2.5 Công tác khoa học công nghệ - nguồn lực:**

### **\* Công tác khoa học công nghệ:**

- Phối hợp với viện NC & PT Viglacera nghiên cứu bài phối liệu để ổn định sản



xuất trong cả năm, nâng cao tỷ lệ chất lượng và tỷ lệ thu hồi, khắc phục triệt để lỗi khuyết tật.

- Thực hiện đúng các thông số công nghệ, quy trình công nghệ, tăng cường các biện pháp kiểm soát thông số công nghệ tại từng công đoạn, từng vị trí trên dây chuyền sản xuất.

#### **\* Công tác đào tạo - nguồn lực:**

- Phối hợp với trường Cao đẳng nghề Viglacera tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV theo các chương trình đào tạo ngắn hạn và dài hạn. Trong đó bố trí các lớp đào tạo ngắn hạn hợp lý trong thời gian dừng sản xuất để bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Lựa chọn và cử cán bộ theo học các lớp thạc sỹ chuyên ngành tài chính và vật liệu xây dựng.

- Tiếp tục cơ cấu bộ máy theo hướng tinh gọn, luân chuyển những trường hợp không đạt yêu cầu.

#### **2.6 Công tác môi trường:**

- Tiếp tục vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 tại Công ty.

- Các chất thải sản xuất cũng phải được xử lý để giữ gìn môi trường.

- Chính trang khuôn viên Nhà máy Viglacera Yên Phong và Nhà máy Viglacera Hải Dương đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp.

#### **2.7 Công tác xuất khẩu:**

- Phối hợp với Công ty CP Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera phát triển thị trường xuất khẩu đảm bảo đạt doanh thu kế hoạch xuất khẩu hai bên đề ra.

#### **2.8 Công tác tài chính:**

- Làm việc với các tổ chức tín dụng để lo đủ nguồn vốn, đáp ứng đủ cho hoạt động SXKD và công tác đầu tư năm 2021.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ để giảm số nợ phải thu theo cam kết đến 31/12/2020.

#### **2.9 Công tác khác:**

- Thực hiện việc chi trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo đúng thỏa ước lao động tập thể.

- Cam kết nộp đầy đủ thuế và các khoản ngân sách, BHXH cho người lao động theo đúng số phát sinh hàng tháng.

- Phát huy vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên Ban thanh tra nhân dân trong kiểm soát hoạt động SXKD.

- Thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo đúng chế độ chính sách quy định.

- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy chữa cháy và phòng chống lụt bão.

- Thực hiện và duy trì công tác Phòng chống dịch đầy đủ, an toàn và hiệu quả.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Cuối cùng, thay mặt Công ty Cổ phần Viglacera Hà nội, kính chúc toàn thể quý vị cổ đông sức khoẻ và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Các phòng, Ban, NM;
- Lưu TCHC.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Tiến Dũng**



Số: 04 /VIH-HĐQT

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021.

**BÁO CÁO CỦA HĐQT NĂM 2020 VÀ CÁC GIẢI PHÁP  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Viglacera Hà nội.**

**I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020**

**1. Tình hình chung:**

Năm 2020, sự bùng phát, lây lan chưa rõ hồi kết của đại dịch COVID-19 đã và đang làm trầm trọng thêm xu hướng suy thoái, khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã được cảnh báo từ trước, có thể dẫn tới cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất kể từ sau đại khủng hoảng 1929-1933 đến nay và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế đã hội nhập sâu rộng của nước ta.

Thêm vào đó, yếu tố thiên tai như bão lụt tại các tỉnh miền Trung, hạn hán ngập mặn ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ kéo dài trên diện rộng cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống kinh tế xã hội nước ta trong năm vừa qua.

Trước những khó khăn chung của toàn thế giới và trong nước, được sự hỗ trợ của Tổng công ty Viglacera- CTCP và các đơn vị bao tiêu sản phẩm đầu ra, Công ty Cổ phần Viglacera Hà nội đã chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tự tin vượt qua những thách thức để duy trì hoạt động sản xuất hiệu quả, đảm bảo thu nhập cho người lao động, đưa ra thị trường các sản phẩm đáp ứng được thị hiếu và yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, lãnh mạnh công tác tài chính, vận hành tài chính thông suốt đáp ứng như nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất và vốn trung dài hạn cho công tác đầu tư chiều sâu vào sản xuất.

**2. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	SS TH/KH 2020
1	Lợi nhuận trước thuế	trđ	15,000	15,102	101
2	Khấu hao cơ bản TSCĐ	trđ	17,200	17,085	99
3	Lao động bình quân	người	452	435	96
4	Thu nhập bình quân	Trđ/ng	11,600	11,854	102

### 3. Tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty:

Stt No.	Số No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01.1/VIH-HĐQT	09/01/2020	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV, lũy kế năm 2019 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	100%
2	01/VIH-HĐQT	11/02/2020	Xin ý kiến biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
3	02/VIH-HĐQT	15/02/2020	Thông qua việc điều chỉnh loại cổ phần từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng	100%
4	03/VIH-HĐQT	16/03/2020	Thông qua xin ý kiến các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	01.2/VIH-HĐQT	15/04/2020	Thông qua việc vay vốn tại ngân hàng Agribank Hà Nội	100%
6	11/VIH-HĐQT	05/05/2020	Thông qua việc thuê tài chính Kênh đầu in KTS, Máy phun men cao áp, Máy tráng men, Máy rắc hạt, Máy hút bụi chân không	100%
7	12/VIH-HĐQT	18/05/2020	Thông qua việc thuê tài chính Dây chuyền men	100%
8	13/VIH-HĐQT	19/05/2020	Vay vốn ngân hàng HDBank	100%
9	13.1/VIH-HĐQT	19/05/2020	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	100%
10	14/VIH-HĐQT	22/06/2020	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng BIDV	100%
11	16/VIH-HĐQT	06/08/2020	Thông qua việc trả cổ tức năm 2019 bằng tiền	100%
12	18/VIH-HĐQT	10/08/2020	Thông qua việc sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thành Đông (BIDV Thành Đông)	100%
13	20/VIH-HĐQT	11/08/2020	Thông qua Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty	100%

Stt No.	Số No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
14	22/VIH-HĐQT	15/09/2020	Biên bản họp v/v khắc phục vốn lưu động ròng âm	100%
15	23/VIH-HĐQT	28/09/2020	Nghị quyết v/v vay vốn ngân hàng Agribank Thăng Long	100%

Ngoài ra, Hội đồng quản trị đó triệu tập và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

#### 4. Công tác đầu tư, sửa chữa định kỳ:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trong năm 2020 Công ty đã thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật và đạt hiệu quả tốt thể hiện qua tình hình sản xuất ổn định của cả 2 Nhà máy trong năm 2020, giảm thời gian dừng sản xuất do sự cố, thay khuôn, mẫu sản phẩm.

#### 5. Phương án chia cổ tức năm 2020:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 Công ty đạt 15.102.409.739 đồng, lợi nhuận sau thuế là **12.458.599.935 đồng**.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	12,458,599,935
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	3,737,579,981
3	Chi tiền lương HĐQT	168,000,000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty	1,245,859,994
5	Chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% VDL, dự kiến chi trong quý III/2021	5,600,000,000
6	Lợi nhuận để lại năm sau	1,707,159,961
7	Lợi nhuận để lại lũy kế	7,807,924,971

## II/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

### 1. Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
1	Sản lượng SX	m2	9.500.000
2	Sản lượng tiêu thụ	m2	9.500.000
3	Doanh thu	trđ	596.800
4	Lợi nhuận trước thuế	trđ	18.000
5	Khấu hao cơ bản	trđ	20.900
6	Thu nhập bình quân	1.000đ/ng/thg	12.300

### 2. Giải pháp thực hiện:

Để đảm bảo hiệu quả của việc lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT đối với toàn bộ hoạt động của Công ty nhằm hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, HĐQT đề ra chương trình công tác năm 2021, cụ thể như sau:

**2.1. Triển khai và phê duyệt nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2021 của các đơn vị phù hợp với chiến lược chung của Tổng công ty.**

**2.2. Chỉ đạo triển khai xây dựng chương trình, nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên 2021:**

**2.3. Chỉ đạo SXKD:**

- Nhất trí với các giải pháp mà Ban giám đốc đã xây dựng.
- Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch và các nội dung đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty, giám sát, đánh giá hiệu quả bảo dưỡng sửa chữa, công tác đầu tư.

**2.4. Dự kiến mức thưởng HĐQT, Ban điều hành:**

Nếu Lợi nhuận trước thuế năm 2021 vượt 18 tỷ đồng sẽ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành 50% số lợi nhuận vượt sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

**2.5. Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:**

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT và Ban giám đốc lựa chọn đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách kiểm toán các Công ty niêm yết được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát Công ty thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

**2.6. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty các nội dung sau đây:**

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc toàn quyền quyết định việc phê duyệt và quyết toán vốn đầu tư, công tác sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thanh lý Tài sản cố định, vật tư không cần dùng nhằm thu hồi vốn trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty niêm yết cổ phiếu VIH trên sàn chứng khoán HNX khi đủ điều kiện.

**2.7. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế Tài chính, Quy chế quản trị nội bộ Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020.**

**2.8. Công bố thông tin:** Các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được đăng tải trên website: [www.viglacerahanoi.com.vn](http://www.viglacerahanoi.com.vn)

**2.9. Công tác khác:**

Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Tổng công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động của Tổng công ty.

*Nơi nhận:*

- Cổ đông Công ty;
- Lưu HĐQT, VP.



Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021.

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI**  
**Kính gửi: Các Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Viglacera Hà nội.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Viglacera Hà nội;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty, báo cáo của HĐQT, Ban điều hành và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong thời gian qua.

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2020.

**I. Thành phần Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viglacera Hà nội gồm các thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra:

- |                         |                             |
|-------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông Ngô Trọng Toán   | - Trưởng Ban Kiểm soát      |
| 2. Ông Nguyễn Quảng Nam | - Thành viên Ban kiểm soát. |
| 3. Bà Hồ Thị Thủy       | - Thành viên Ban kiểm soát. |

**II. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban điều hành năm 2020.**

**1. Giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ. Trong năm 2020, Công ty đã:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;
- Triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư theo Nghị quyết ĐHCĐ.
- Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá trong năm 2020 HĐQT và Ban điều hành đã có tinh thần trách nhiệm cao đối với sự phát triển và hoạt



động kinh doanh của toàn công ty. Công ty không phát sinh vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như không có bất kỳ xung đột nào phát sinh với những người liên quan.

## **2. Kiểm soát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty**

Năm 2020 Ban Kiểm soát đã thực hiện họp 4 kỳ, định kỳ mỗi quý 1 lần để thống nhất các công việc như kiểm tra giám sát tính tuân thủ các qui định của pháp luật và điều lệ Công ty liên quan đến công tác kế toán, bán hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh. Thống nhất số liệu báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm và báo cáo quyết toán tài chính năm 2020; báo cáo đã được công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán,

Một số các chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

### **A- Các chỉ tiêu cơ bản về tài sản và nguồn vốn, hiệu quả kinh doanh .**

#### **Về tài sản :**

- Tài sản ngắn hạn	:	195.437.963.038 đồng
- Tài sản dài hạn	:	211.771.534.418 đồng
<b>Tổng tài sản</b>	<b>:</b>	<b>407.209.497.476 đồng</b>

#### **Về nguồn vốn :**

* Nợ phải trả	:	326.715.359.193 đồng
Trong đó		
- Nợ ngắn hạn	:	283.577.680.542 đồng
- Nợ dài hạn	:	43.137.678.651 đồng
* Vốn chủ sở hữu	:	80.494.138.283 đồng
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>:</b>	<b>407.209.497.476 đồng</b>

#### **Về hiệu quả kinh doanh**

- Doanh thu bán hàng	:	565.674.492.086 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	:	130.041.402 đồng
- Thu nhập khác	:	950.632.608 đồng
- Giá vốn hàng bán	:	490.013.371.787 đồng
- Chi phí tài chính	:	21.095.981.026 đồng
- Chi phí bán hàng	:	4.100.465.367 đồng
- Chi phí quản lý	:	20.288.340.262 đồng
- Chi phí khác	:	7.171.178.077 đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	15.102.409.739 đồng

Với các chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo, năm 2020 Công ty đã bảo toàn và tăng trưởng được vốn chủ sở hữu.

Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn : 19,8 %; năm 2019 là 17,8%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu : 2,7 %; năm 2019 là 3,7%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản : 3,7 %; năm 2019 là 5,1%

HS khả năng thanh toán TS ngắn hạn/Nợ ngắn NH 0,69 lần; năm 2019 là 0,73 lần

Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 4,06 lần; năm 2019 là 4,62 lần

Vì vậy, Công ty giữ lại một phần lợi nhuận để tái cơ cấu tài chính với số tiền là 1,7 tỷ đồng.

#### B- Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch như sau:

TT	Khoản mục	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	SS TH/ KH 2020	SS TH20 20/20 19
1	Doanh thu thuần	569.112.754.778	543.000.000.000	556.691.072.248	103	98
2	Giá vốn	488.639.748.360	478.127.000.000	490.013.371.787	102	100
3	Lợi nhuận gộp (=1-2)	80.473.006.418	64.873.000.000	66.677.700.461	103	83
4	Chi phí bán hàng	4.087.355.537	6.923.000.000	4.100.465.367	59	100
5	Chi phí quản lý	20.437.096.009	20.030.000.000	20.288.340.262	101	99
6	Doanh thu HĐTC, TN khác	690.877.985		1.080.674.010		156
7	Chi phí hoạt động TC	20.072.910.363	22.920.000.000	21.095.981.026	92	105
8	Chi phí khác	15.028.597.681		7.171.178.077		48
9	Lợi nhuận trước thuế	21.537.924.813	15.000.000.000	15.102.409.739	101	70
10	Thuế TNDN	6.457.377.162	3.000.000.000	2.643.809.804	88	41
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.080.547.651	12.000.000.000	12.458.599.935	104	83
12	Công nợ phải thu không tính công nợ nội bộ TCT	28.743.812.401	29.000.000.000	28.669.270.605	99	100
13	Hàng tồn kho (thành phẩm)	69.589.032.768	62.000.000.000	74.929.156.358	121	108

#### \* Doanh thu năm 2020

- Tổng Doanh thu thuần của Công ty năm 2020 đạt **556.691 triệu đồng**, doanh thu thuần sản phẩm chính tăng 13.691 triệu đồng đạt 103% so với kế hoạch.

\* **Lợi nhuận:** Lợi nhuận thực tế từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty sau khi đã trừ các khoản xử lý tài chính 2.786 triệu đồng thì lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 15.102 triệu đồng /kế hoạch 15.000 triệu đồng.

\* **Quỹ lương** của Công ty thực hiện theo các quyết định:

- Quyết định số 315/TCT-TCLĐ ngày 07/07/2020 của Tổng công ty Viglacera-CTCP về việc “Quỹ lương kế hoạch năm 2020”

- Quyết định số 337/TCT- TCLĐ ngày 22/07/2020 của Tổng Công ty Viglacera-CTCP về việc hướng dẫn thực hiện công tác lao động, quỹ lương năm 2020.

**- Dư nợ phải thu khách hàng:**

Số dư 1/1/2020 tổng là: 41.143 triệu đồng

Nội bộ TCT: 12.400 triệu đồng

Phải thu ngoài TCT: 28.743 triệu đồng

Số dư 31/12/2020 tổng là: 38.141 triệu đồng

Nội bộ TCT: 9.472 triệu đồng

Phải thu ngoài TCT: 28.669 triệu đồng

Giảm 3 tỷ đồng so với đầu năm.

Đã trích lập toàn bộ Dư nợ phải thu khó đòi với số tiền 38 tỷ đồng.

\* **Sản lượng sản xuất:** Năm 2020 là 9.274.000 m<sup>2</sup>/KH 9.291.000 m<sup>2</sup> đạt 99,8 % KH bằng 98,5% so với thực hiện năm 2019.

\* **Sản lượng tiêu thụ:** Năm 2020 là 9.370.000 m<sup>2</sup>/KH 9.560.000 m<sup>2</sup> đạt 98% KH bằng 95% so với thực hiện năm 2019.

**C. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên:**

**1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.**

- Thực hiện các đợt kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các buổi họp của Ban điều hành về kế hoạch SXKD tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.

- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của Công ty, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của Công ty.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận) kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2020 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho công ty niêm yết.

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.

- Các công việc khác theo quy định của Điều lệ và Quy chế Tài chính của Công ty.

## **2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

Trong năm 2020, BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra.

HĐQT và Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của Công ty, bám sát nhiệm vụ được giao.

## **3. Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020**

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong năm 2020 đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tổng kết kết quả giám sát, kiểm toán đối với các mảng hoạt động chính như hoạt động sản xuất, bán hàng, kế toán, đầu tư... và đã kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty nhiều giải pháp cụ thể, góp phần hoạt động của Công ty bảo toàn và phát triển vốn cho Cổ đông.

## **D. Kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống để theo dõi việc thực hiện các quy chế hoạt động của Công ty và nâng cao khả năng đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kì hàng quý theo đúng Điều lệ của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật, lấy ngăn chặn và phòng ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và một số Luật liên quan, góp phần làm cho Công ty ngày càng phát triển và đạt hiệu quả kinh doanh cao, đảm bảo lợi ích của cổ đông, quyền lợi của cán bộ nhân viên.

## **E/ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý NĂM 2020.**

Trong năm 2020, báo cáo tài chính còn có ý kiến ngoại trừ một số khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn chưa được đối chiếu xác nhận với tổng số tiền là 7,79 tỷ đồng. Mặc dù không ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên ảnh hưởng đến công tác quản trị, quản lý công nợ và việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên HNX. Vì vậy, Ban kiểm soát đề nghị Ban điều hành Công ty có giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân để giải quyết dứt điểm ý kiến ngoại trừ này trong 6 tháng đầu năm 2021.

Trên đây là toàn bộ các chỉ tiêu tóm tắt về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, chúng tôi đảm bảo rằng các số liệu đã được phản ánh trung thực theo đúng chuẩn mực kế toán, nếu các cổ đông nào có quan tâm chúng tôi sẽ cung cấp bản báo cáo tài chính.

*Trân trọng cảm ơn!*

### **Nơi nhận:**

- HĐQT công ty;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu Ban kiểm soát.

**TM Ban kiểm soát**

**Trưởng ban**



**Ngô Trọng Toán**

Số: 05../VIH- ĐHCĐ

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

(Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, phân phối lợi nhuận năm 2020)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AASC kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

**I. Tổng hợp thu nhập của Công ty năm 2020 cụ thể như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (ĐVT: VNĐ)
1	Lợi nhuận trước thuế	15.102.409.739
2	Thuế TNDN phải nộp	2.643.809.804
3	Lợi nhuận sau thuế	12.458.599.935
4	Lợi nhuận để lại từ các năm trước	6.100.765.010
5	Tổng lợi nhuận đến hết năm 2020	18.559.364.945

**II. Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2020**

Lợi nhuận năm 2020 sẽ được Công ty sử dụng theo phương án sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (ĐVT: VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	12.458.599.935
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	3.737.579.981
3	Chi tiền lương HĐQT	168.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty	1.245.859.994
5	Chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% VĐL, dự kiến chi trong quý III/20201	5.600.000.000
6	Lợi nhuận để lại năm sau	1.707.159.961
7	Lợi nhuận để lại lũy kế	7.807.924.971

### III. Triển khai thực hiện

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội thông qua, giao cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

*Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.*

*Nơi nhận:*

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

  
QUÁCH HỮU THUẬN

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

### 1. Mức trả thù lao cho HĐQT trực tiếp tham gia điều hành, Ban kiểm soát năm 2020:

Theo quy chế quản lý người đại diện số 88/TCT-HĐQT ngày 10/12/2019 của Tổng công ty Viglacera và theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 18/03/2020:

Thù lao Hội đồng quản trị: 216.000.000 đồng  
Thù lao Ban kiểm soát: 78.000.000 đồng

### 2. Dự kiến mức trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

Thù lao Hội đồng Quản trị các thành viên Đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện theo Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty Viglacera – CTCP đầu tư vào Doanh nghiệp khác, ban hành kèm theo Quyết định số 88/TCT-HĐQT ngày 10/12/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty Viglacera – CTCP đầu tư vào Doanh nghiệp khác.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15 triệu đồng/người/quý
- Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc: 12 triệu đồng/người/ quý
- Các thành viên HĐQT còn lại: 9 triệu đồng/người/ quý
- Trưởng Ban kiểm soát: 10,5 triệu đồng/người/quý.
- Thành viên Ban kiểm soát: 4,5 triệu đồng/người/quý

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

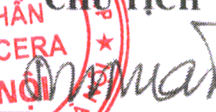
### 3. Ngân sách hoạt động:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

**Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VIGLACERA  
HÀ NỘI  
CHỦ TỊCH  
  
QUÁCH HỮU THUẬN





Số: 08 /VIH-ĐHĐCĐ

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

*V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 qua ngày 17/06/2020 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:**

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

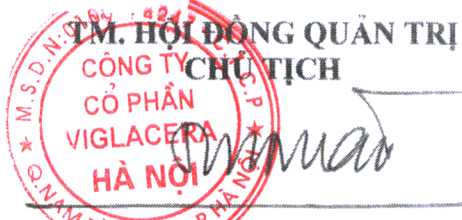
Để đảm bảo cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội theo quy định của Pháp luật hiện hành, Công ty xin đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua bản rà soát Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc để hoàn chỉnh nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

  
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VIGLACERA  
HÀ NỘI  
QUÁCH HỮU THUẬN

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI (MCK: VIH)**

**Ghi chú:**

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong cột “Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành(1)” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung sau sửa đổi” là phần màu đỏ.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Chứng khoán Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều lệ hiện hành (1)	Điều lệ sửa đổi (2)	Lý do sửa (3)
<p>Căn cứ Luật doanh nghiệp <b><u>số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội</u></b></p> <p>Căn cứ Nghị định số <b><u>71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017</u></b> của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</p> <p>Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017</p>	<p>Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Chứng khoán số 62/2010/QH12, NĐ 71/2017/NĐ-CP và Thông tư</p>

<p>Vào <b><u>ngày 04 tháng 12 năm 2018</u></b>, chúng tôi – những cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung và cùng cam kết thực hiện những quy định theo Bản Điều lệ này</p>	<p>Chứng khoán.</p> <p>Vào ngày 08 tháng 04 năm 2021, chúng tôi – những cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung và cùng cam kết thực hiện những quy định theo Bản Điều lệ này.</p>	<p>95/2017/TT-BTC đã hết hiệu lực. Cập nhật lại theo quy định mới nhất</p>
<p style="text-align: center;"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p>	
<p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số: 558/QĐ-BXD ngày 18/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Gạch ốp lát Viglacera Hà Nội thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng thành Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.</p> <p>Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông <b><u>thành lập</u></b> Công ty ngày <b><u>04 tháng 12 năm 2018</u></b>.</p>	<p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số: 558/QĐ-BXD ngày 18/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Gạch ốp lát Viglacera Hà Nội thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng thành Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.</p> <p>Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 08 tháng 04 năm 2021.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương I</b></p> <p style="text-align: center;"><b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương I</b></p> <p style="text-align: center;"><b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b></p>	

<p><b>Điều 1: <u>Định nghĩa.</u></b></p>	<p><b>Điều 1:</b> Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Viết theo Điều 1 Phụ lục I – Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là <i>tổng mệnh giá cổ phần đã bán các loại</i> và quy định tại <b>Điều 5</b> của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <b><u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</u></b></p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp <i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i> lần đầu.</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>d. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.</p> <p>f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g. "Cán bộ quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội</p>	<p>Cập nhật, bổ sung theo Điều 1 Phụ lục I – Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>d. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, <b><u>Giám đốc hoặc</u></b> Tổng giám đốc điều hành, <b><u>Phó giám đốc hoặc</u></b> Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <b><u>Điều 4.17</u></b> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e. "Thời hạn hoạt động là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại <b><u>Điều 2.6</u></b> của Điều lệ này.</p> <p>f. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>g. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>h. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p> <p>i. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>j. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại <b><i>khoản 5 Điều 2</i></b> của Điều lệ này.</p> <p>m. "Công ty" là Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	
--	---	--

<p style="text-align: center;"><b>Chương II</b></p> <p style="text-align: center;"><b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương II</b></p> <p style="text-align: center;"><b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b></p>	<p>Viết theo mục II Phụ lục I – Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</b></p>	<p><b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.</b></p>	
<p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội</li> <li>- Tên tiếng Anh: Viglacera Ha Noi Joint Stock Company</li> <li>- Tên giao dịch: Viglacera Ha Noi Joint Stock Company</li> <li>- Tên viết tắt: VIH</li> </ul> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Tầng 15 Toà nhà Viglacera, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.</li> <li>- Điện thoại: 0222 3689234</li> <li>- Fax: 0222 3689189</li> <li>- E-mail: info@viglacerahanoi.com.vn</li> <li>- Website: viglacerahanoi.com.vn/</li> </ul>	<p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội</li> <li>- Tên tiếng Anh: Viglacera Ha Noi Joint Stock Company</li> <li>- Tên giao dịch: Viglacera Ha Noi Joint Stock Company</li> <li>- Tên viết tắt: VIH</li> </ul> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15 Toà nhà Viglacera, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.</b></li> <li>- Điện thoại: 0222 3689234</li> <li>- Fax: 0222 3689189</li> <li>- E-mail: info@viglacerahanoi.com.vn</li> <li>- Website: www.viglacerahanoi.com.vn/</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển khoản 4 điều 2 cột (1) tách thành Điều 3 cột (2).</li> <li>- Cập nhật dẫn chiếu</li> </ul>

<p><b>4. <u>Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></b></p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Điều 53.2</b> và Điều 2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 1 Điều 54 và điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</i></b></p>	<p>Chuyển khoản 4 điều 2 cột (1) tách thành Điều 3 cột (2).</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.</i></b>  <b><i>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.</i></b></p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương III</b> <b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương III</b> <b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty.</b></p>	<p><b>Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty.</b></p>	
<p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:</p>	<p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:</p>	



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất và mua bán các sản phẩm gạch ốp lát ceramic và các loại vật liệu xây dựng khác;</li> <li>- Hoàn thiện và trang trí các công trình công nghiệp và dân dụng;</li> <li>- Tư vấn, thiết kế, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;</li> <li>- Khai thác và chế biến khoáng sản;</li> <li>- Kinh doanh máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng;</li> <li>- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa;</li> <li>- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng, - Đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước</li> <li>- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, chứng khoán và bất động sản;</li> <li>- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</li> </ul> <p>2. Mục tiêu của Công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận tối đa, tạo công việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất và mua bán các sản phẩm gạch ốp lát ceramic và các loại vật liệu xây dựng khác;</li> <li>- Hoàn thiện và trang trí các công trình công nghiệp và dân dụng;</li> <li>- Tư vấn, thiết kế, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;</li> <li>- Khai thác và chế biến khoáng sản;</li> <li>- Kinh doanh máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng;</li> <li>- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa;</li> <li>- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng;</li> <li>- Đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;</li> <li>- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, chứng khoán và bất động sản;</li> <li>- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</li> </ul> <p>2. Mục tiêu của Công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận tối đa, tạo công việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.</p>	
<p><b>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.</b></p>	<p><b>Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b></p>	

<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	
<p><b>Chương IV</b></p> <p><b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b></p>	<p><b>Chương IV</b></p> <p><b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b></p>	
<p><b>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.</b></p>	<p><b>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.</b></p>	
<p>1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là 56.000.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể <b>tăng</b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ <b>kèm theo</b> cổ phần phổ thông được quy định tại Điều <b>11</b> Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau</p>	<p>1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là 56.000.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 Điều lệ này.</p>	<p>Viết theo Điều 6 Phụ lục I – Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

khi có sự chấp của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các **chi tiết** khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông **quy** định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, **nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn** so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả có phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các **cổ** đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp theo quy định pháp luật để **cổ** đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả có phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với

<p>này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p><b>Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu.</b></p>	<p><b>Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu.</b></p>	
<p><b>i. Cổ đông của Công ty được cấp <u>chứng chỉ hoặc</u> chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, <u>trừ trường hợp quy định tại Điều 6.7 của Điều lệ này.</u></b></p>	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p>	<p>Thay đổi cách đánh số thứ tự và viết theo khoản 1 Điều 7 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><b><u>ii. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</u></b></p>	<p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Viết theo khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><b><u>iii.</u></b> Trong thời hạn một tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của</p>	<p>3. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày</p>	<p>Bổ sung làm rõ nội dung tại khoản 3 Điều 7 cột (2).</p>

<p>Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng <b>chỉ</b> cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu <b><u>hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</u></b></p>	<p>thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu lần đầu.</p>	
<p><b><u>i. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ có phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhân số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</u></b></p> <p><b><u>ii. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u></b></p> <p><b><u>iii. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</u></b></p> <p><b><u>iv. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều</u></b></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ các nội dung về cổ phiếu/cổ phần ghi danh và vô danh do Luật doanh nghiệp đã bỏ nội dung này.</p>

<b><u>lê này.</u></b>		
	<p>4. Trường hợp chuyển nhượng bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Bổ sung khoản 4 Điều 7 cột (2) theo Khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<b>Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác.</b>	<b>Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	
<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký màu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký màu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	
<b>Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần.</b>	<b>Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần</b>	
<p>1. Tất cả các cổ phần <b><u>đều có thể</u></b> được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ <b><u>Trung tâm Giao dịch Chứng khoán</u></b> sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán <b><u>của Sở Giao dịch Chứng</u></b></p>	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu</p> <p>- Sửa cách diễn đạt theo Điều 9 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban</p>

<p><b><u>khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</u></b></p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.</p> <p>5. Trường hợp <b><u>cổ phần của cổ đông là cá nhân</u></b> chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ</p>	<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.</p> <p>5. Trường hợp <b><u>cổ đông là cá nhân</u></b> chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ</p>	<p>hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
--	--	---

<p>phần sẽ là cổ đông của công ty.</p> <p>7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>8. <b>Người</b> nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại <b>khoản 2 Điều 121</b> Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.</p> <p>7. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam mà chuyển nhượng một số cổ phần thì chứng nhận cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>8. <b>Cá nhân, tổ chức</b> nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại <b>khoản 2 Điều 122</b> Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	
<p><b>Điều 9: Thu hồi cổ phần.</b></p>	<p><b>Điều 10: Thu hồi cổ phần.</b></p>	
<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản</p>	



có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng thương mại tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty, được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần bị thu hồi không được công nhận tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng thương mại tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

<p><b>Điều 10. Mua lại cổ phần</b></p>	<p><b>Điều 11. Mua lại cổ phần</b></p>	
<p>1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình và Công ty phải mua lại cổ phần đó theo quy định tại <b>Điều 129</b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>3. <b>HDQT</b> quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.</p> <p>4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.</p> <p>5. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 <b>Điều 111</b> của Luật Doanh nghiệp. Công</p>	<p>1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình và Công ty phải mua lại cổ phần đó theo quy định tại <b>Điều 132</b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p><b>b. Hội đồng quản trị</b> quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.</p> <p>4. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 <b>Điều 112</b> của Luật Doanh nghiệp. Công ty</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu theo Luật mới.</p>

ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	
<b>Chương V</b> <b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>Chương V</b> <b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 11: Cơ cấu tổ chức <u>quản lý</u>.</b>	<b>Điều 12: Cơ cấu tổ chức, <i>quản trị và kiểm soát</i></b>	Sửa tiêu đề theo Điều 11 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông. b. Hội đồng quản trị. c. Giám đốc <b><u>hoặc Tổng giám đốc điều hành.</u></b> d. Ban kiểm soát.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông. b. Hội đồng quản trị. c. Giám đốc. d. Ban kiểm soát.	Bỏ cụm “hoặc Tổng giám đốc điều hành” do Công ty không có chức danh Tổng giám đốc
<b>Chương VI</b> <b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>Chương VI</b> <b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
<b>Điều 12: Quyền của cổ đông.</b>	<b>Điều 13: <i>Quyền của cổ đông.</i></b>	

<p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo Số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p>	<p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo Số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p>	
<p>2. <b><u>Người nắm giữ cổ phần</u></b> phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và <b><u>biểu quyết</u></b> trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện <b><u>được</u></b> ủy quyền hoặc hình thức khác quy định tại Điều <b><u>140</u></b> Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty <b><u>quy định</u></b>; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác quy định tại Điều <b><u>144</u></b> Luật doanh nghiệp và Điều <b><u>13</u></b> Điều lệ này; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	<p>Viết theo điểm a khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>b. Nhận cổ tức theo mức quyết định của đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>b. Nhận cổ tức theo mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <b><u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành</u></b>;</p>	<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác, trừ trường hợp trong phương án chào bán cổ phần do ĐHĐCĐ thông qua có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần và quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p>	<p>Sửa theo điểm c khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p>	<p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p>	
<p>e. Được quyền ứng cử vào <b><u>HDQT, BKS</u></b> nếu đạt đủ tiêu chuẩn ứng cử theo quy định. <b><u>Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác</u></b>;</p>	<p>e. Được quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nếu đạt đủ tiêu chuẩn ứng cử theo quy định;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p>	<p>Tách thành 1 điểm riêng theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	
g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <b>số</b> cổ phần <b>góp vốn vào</b> công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông <b>loại</b> khác theo quy định của pháp luật;	h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;	Sửa theo điểm g khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.
h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều <b>129</b> của Luật Doanh nghiệp;	i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật điều khoản của Luật doanh nghiệp mới
i. Có thể ủy quyền cho người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp ĐHCĐ với những điều kiện quy định tại điều <b>16</b> , Điều lệ này;	j. Có thể ủy quyền cho người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với những điều kiện quy định tại Điều <b>17</b> Điều lệ này;	Cập nhật Điều khoản của Điều lệ mới
j. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	k. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	
k. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.	l. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;	
l. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt	m. Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;	

hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.		
m. Các quyền khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.	n. Các quyền khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong <b><u>thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</u></b>	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	
a. <b><u>Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 26.3 và Điều 38.2 Điều lệ này</u></b>	Chuyển xuống khoản 4 Điều 13 cột (2)	
b. <b><u>Triệu tập</u></b> đại hội đồng cổ đông <b><u>trong trường hợp</u></b> quy định tại <b><u>khoản 3 điều 114</u></b> luật doanh nghiệp	a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Sửa theo điểm a khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.
c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.	b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.	Cập nhật Điều khoản của Điều lệ mới
<b><u>Không có</u></b>	c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân	Bổ sung theo điểm c, d và đ khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư

	<p>đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	116/2020/TT-BTC.
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
<b>Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông. <u>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</u></b>	<b>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	Sửa tiêu đề
1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;	Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau :  1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
2. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp	2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.	
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại điều khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.	3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại điều khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.	
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc cổ đông không nhận được Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đối với những trường hợp cổ	Chuyển khoản 7 Điều 13 cột (1) lên khoản 4 Điều 14 cột (2)



	đồng không cung cấp địa chỉ chính xác, không thông báo khi có sự thay đổi địa chỉ thường trú và Công ty có xác nhận bằng văn bản của đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển thư về việc Thông báo mời họp sẽ không gửi được đến địa chỉ mà cổ đông đã cung cấp.	
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;	Bỏ	Chuyên xuống khoản 8 Điều 14 cột (2)
	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo khoản 5 Điều 13 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <b>nguy cơ</b> tài chính có thể xảy ra đối với công ty	6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	
7. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc cổ đông không nhận được Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đối với những trường hợp cổ đông không cung cấp địa chỉ chính xác, không thông báo khi có sự thay đổi địa chỉ thường trú và Công ty có xác nhận bằng văn bản của đơn vị cung cấp dịch vụ		

<p>chuyển thư về việc Thông báo mời họp sẽ không gửi được đến địa chỉ mà cổ đông đã cung cấp.</p>		
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	<p>Bổ sung theo khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p><b>Điều 14: Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 15: Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

<p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo các quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo các quy định của pháp luật.</p>	
<p>3. Hội đồng quản trị <b>tổ chức</b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua <b>các</b> báo cáo tài chính <b>hàng năm</b> và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. <b>Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</b></p>	<p>3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc <b>nửa năm</b> hoặc <b>báo cáo kiểm toán của năm tài chính</b> phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn <b>một nửa</b> số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát</b> ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị <b>giảm quá một phần ba (1/3)</b> so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 <b>Điều 13</b></p>	<p>Sửa theo khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

<p>d.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>Điều 12.3</b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản <b>để có đủ</b> chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e.Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập tại cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản <b>và tập hợp</b> đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập tại cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 165</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>5.Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a.Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn <b><u>lại như quy định tại Khoản 4c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 4d và Khoản 4e Điều này.</u></b></p> <p>b.Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 5a</b> Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế</p>	<p>5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc <b><i>thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 4 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</i></b></p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm a Khoản 5</b> Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội</p>	<p>Bổ sung theo Điều 140, Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

<p>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b><u>khoản 5 Điều 136</u></b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>Khoản 5b</u></b> Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông <b><u>có yêu cầu</u></b> quy định tại <b><u>Khoản 4d</u></b> Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b><u>Khoản 6 Điều 136</u></b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b><i>khoản 3 Điều 140</i></b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><i>điểm b Khoản 5</i></b> Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <b><i>điểm d Khoản 4</i></b> Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b><i>Khoản 4 Điều 140</i></b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát <b><i>trình tự, thủ tục</i></b> triệu tập, tiến hành họp <b><i>và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i></b> nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;</p> <p><b><i>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</i></b></p>	
<p><b>Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 16: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông <b><u>thường niên</u></b> có quyền <b><u>thảo luận và thông qua:</u></b></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền <b><i>và nghĩa vụ</i></b> sau:</p>	
<p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p>	<p>a. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p>	
<p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc</p>	<p><b><i>Chuyển xuống điểm c, điểm d khoản 2 Điều 16 cột (2)</i></b></p>	<p>Sửa theo Điều 15 Điều lệ mẫu - Phụ</p>

<p>hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị</p>		<p>lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>b. Thông qua kế hoạch, <b>định hướng</b> phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty</p>	
	<p><i>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</i></p> <p><i>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i></p> <p><i>f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i></p> <p><i>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</i></p> <p><i>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</i></p> <p><i>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội</i></p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

	<p><i>đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p><i>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</i></p>	
<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua <b><u>quyết định bằng văn bản về các</u></b> vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mọi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất <i>thường thảo luận</i> và thông qua các vấn đề sau:</p> <p><i>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</i></p> <p><i>b. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</i></p> <p><i>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</i></p> <p><i>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p>f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho <i>mỗi</i> loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát;</i></p>	<p>Sửa, bổ sung theo khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung quy định tại điểm q theo điểm a khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp</p>

**d. Lựa chọn công ty kiểm toán;**

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

h. *Phê duyệt danh sách Tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;*

i. Bầu, *miễn nhiệm*, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và *thành viên* Ban kiểm soát;

j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

o. Ngoài trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này, Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;

p. Công ty mua lại hơn 10% mỗi loại cổ phần phát hành;



m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

**n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;**

**o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;**

*q. Ngoài trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này, chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hơgày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định;*

*r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;*

*s. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;*

t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

<p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>		
<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p>	<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.</b></p>	<p><b>Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Viết theo điều 16 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p><b>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. <u>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</u></b></p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền <b><i>bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</i></b></p>	<p>- Tách quy định về trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền xuống</p>

		thành khoản 2 Điều 17 cột (2); - Bổ sung hình thức dự họp theo khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
<b><u>Khoản 1 Điều 16: 1. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</u></b>	<b>2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải do cổ đông cử theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</b>	Viết theo Điều 14 Luật Doanh nghiệp
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:  a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền <b><u>thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</u></b>	3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:  a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và <b><i>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</i></b>	- Bổ sung theo khoản 2, Điều 144 Luật doanh nghiệp
<b><u>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</u></b>	<b><i>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền</i></b> phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.	Bổ sung theo khoản 4, Điều 14 Luật doanh nghiệp
c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.  d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải	c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.  d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền <b><i>khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền</i></b>	Bổ sung theo khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư

<p>nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p><i><b>lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</b></i></p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p>
<p>3.Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	
<p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;</li> <li>c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</li> </ul> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;</li> <li>c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</li> </ul> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
<p><b>Điều 17: Thay đổi các quyền.</b></p>	<p><b>Điều 18: Thay đổi các quyền.</b></p>	
<p><b>1.</b> Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với</p>	<p><b>1.</b> Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một</p>	<p>Sửa theo khoản 1,</p>

<p>một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <b><u>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</u></b></p>	<p>loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <i> khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán hành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp sẽ tổ chức lại trong vòng 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</i></p>	<p>khoản 2 Điều 17 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC và khoản 1, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>1. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định <b><u>tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.</u></b></p>	<p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định <b><u>tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.</u></b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>2. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi</p>	<p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối</p>	

<p>đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
<p><b>Điều 18: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 19: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b>Điều 14.5a hoặc 14.5c</b> Điều lệ này.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông <b>thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</b> theo các trường hợp quy định tại <b>khoản 4 Điều 15</b> Điều lệ này.</p>	<p>Viết theo Khoản 1 Điều 18 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</li> <li>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</li> <li>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</li> </ul>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. <b>Chuẩn bị</b> chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</li> <li>c. <b>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</b></li> <li>d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</li> <li>e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</li> <li>f. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông</li> </ul>	

<p>d. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất <b>10 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty đại chúng phải quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông, Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p>	<p>có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 18 PL 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo</u></b></p>	<p><i>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</i></p> <p><i>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</i></p> <p><i>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>c) Phiếu biểu quyết;</i></p>	<p>Viết theo khoản 3 Điều 18 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><b><u>được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</u></b></p>	<p><b><i>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></b></p>	
<p>4. Cổ động hoặc nhóm cổ động được đề cập tại <b><u>Điều 12.3</u></b> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và <b><u>nội dung đề nghị</u></b> đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b><i>khoản 3 Điều 13</i></b> của Điều lệ này có quyền <b><i>kiến nghị</i></b> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <b><i>Kiến nghị</i></b> phải bằng văn bản và phải được gửi <b><i>đến</i></b> Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc <b><i>cuộc họp</i></b>. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và <b><i>vấn đề kiến nghị</i></b> đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Viết theo khoản 4 điều 18 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối <b><u>những đề xuất liên quan</u></b> đến Khoản 4 <b><u>của</u></b> Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <b><u>có</u></b> đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi tham quyền</p>	<p>5. <b><i>Trường hợp</i></b> người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị tại Khoản 4 Điều này <b><i>thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</i></b></p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung <b><i>theo quy định tại khoản 4 Điều này.</i></b></p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <b><i>nắm giữ</i></b> đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <b><i>trở lên;</i></b></p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Kiến nghị không chứa đựng những thông tin cần thiết.</p>	<p>Bổ sung quy định về thời gian về quyền từ chối kiến nghị của người triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp</p>



<p>của Đại hội đồng cổ đông <b><u>bàn bạc và thông qua</u></b>.</p> <p>d. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.</p>	<p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	
<p>6. <b><u>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</u></b></p>	<p><i>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</i></p>	<p>Bổ sung quy định tại khoản 6 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật doanh nghiệp và khoản 6 Điều 18 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 20: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>51%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên <b>50%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa theo khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>2. <b><u>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng</u></b> ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có <b><u>thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp</u></b> đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><i>2. Trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</i></p>	<p>Viết lại theo khoản 2 Điều 19 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không <b><u>được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết</u></b> trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <b><u>số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</u></b></p>	<p>3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không <b><i>đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này</i></b> trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <b><i>tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</i></b></p>	<p>Viết lại theo khoản 3 Điều 19 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <b><u>Điều 18.3</u></b> của Điều lệ này.</p>	<p>4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <b><u>khoeo quy định</u></b> của Điều lệ này.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử</p> <p>b. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Ủ. m dự và biểu quyết thđự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 21: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết</p>	

	theo trình tự như sau:	
<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b><u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ</u></b>, cutiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng <b><u>tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông</u></b>, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ <b><u>t sẽ đư</u></b> trong số <b><u>trong số Chủ tọa th</u></b> chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu <b><u>và nu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phi</u></b> <b><u>Sà nu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phi</u></b>.</p>	<p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết <b><i>và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có)</i></b>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b><i>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nêu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá ba người.</i></b></p>	Viết theo điểm a khoản 1 điều 20 PL 1 TT 116/2020/TT-BTC
<b><u>Không có</u></b>	<p><b><i>b. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</i></b></p>	Bổ sung nội dung về dự họp trực tuyến
<p>3. <b><u>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm cùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu</u></b></p>	<p><b><i>c. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại</i></b></p>	Sửa theo điểm b khoản 1 điều 20 Phụ lục I – Thông tư 116/2020/TT-

<p><b><u>quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</u></b></p>	<p><i>hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị thay đổi.</i></p>	<p>BTC</p>
<p>4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>chủ trì</b>, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ <b>chủ trì</b>. Trường hợp <b>không ai trong số họ</b> có thể <b>chủ trì</b> đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><b><u>Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra</u></b> đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội.</p> <p>Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu ở phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>2. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu ra theo nguyên tắc đa số sẽ làm chủ tọa. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị;</b></p> <p><i>Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p><b>Chủ tọa</b> đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội.</p> <p>Trường hợp phải bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 20 ĐL mẫu</p>
<p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	<p>3. <b>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung</b></p>	<p>Viết theo khoản 3 điều 20 ĐL mẫu</p>

	<p><b>chương trình họp.</b></p> <p>Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	
<p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng</p> <p>(a) các thành viên tham dự không có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội,</p> <p>(b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc</p> <p>(c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó</p>	<p>4. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu đăng ký dự họp cần thiết mà không cần lấy ý kiến của đại hội và chỉ được hoãn đến một thời điểm khác hoặc tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:</p> <p>a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>b. Hành vi của những người có mặt cản trở, làm mất trật tự hoặc có <b>nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</b></p> <p>c. Sự trì hoãn là cần thiết để <b>các phương tiện thông tin tại địa điểm bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</b> Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>Viết theo khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu</p>
<p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>5. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Viết theo khoản 9</p>

<p>trái với quy định tại <b>Khoản 6</b> Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc <b><u>và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</u></b></p>	<p>trái với quy định tại <b>Khoản 4</b> Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc <b><i>và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</i></b></p>	<p>Điều 20 ĐL mẫu</p>
<p>8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p>	<p>6. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.</p>	
<p>9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p>	<p>7. Hội đồng quản trị <b><i>hoặc chủ tọa cuộc họp</i></b> có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp; <b><i>yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp</i></b>; Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với trường hợp khi cuộc họp không do HĐQT triệu tập và chủ tọa</p>
<p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>8. Hội đồng quản trị <b><i>hoặc chủ tọa cuộc họp</i></b> sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với trường hợp khi cuộc họp không do HĐQT triệu tập và chủ tọa</p>

<p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác</p>	<p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
<p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>9. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị <b>hoặc chủ tọa cuộc họp</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.</p> <p>c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	
<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại</p>	<p>10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy</p>

<p>hội.</p> <p><b><u>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></b></p>		<p>định tại khoản 16 Điều lệ sửa đổi</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><i>11. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</i></p>	
<p><b>Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 22: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Trừ trường hợp quy định tại <b><u>khoản 2 và khoản 3</u></b> Điều này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này và khoản 1 Điều 18, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty, Bầu, bãi miễn thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến <b><u>việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ</u></b>, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị</p>	<p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, sáp nhập,</p>	



<p>bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>tái tổ chức và giải thể Công ty, dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều này.</p>	
<p>3. Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty</p>	<p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</p>	<p>Bổ sung quy định về nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</i></b></p>	<p>Bổ sung quy định tại khoản 4 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 148 Luật</p>

		doanh nghiệp
<b>Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b>	<b>Điều 23: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b>	
<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	
<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. <b>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp.</b></p>	
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p>	

<p>b. Mục đích lấy ý kiến:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân: tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, sẽ quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông:</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p>	<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân: tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, sẽ quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.</p>	
<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p>	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.</p> <p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu</p>	

<p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
<p>5.Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số <b><u>và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u></b></p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <b><u>quyết định;</u></b></p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết,</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p>	<p>5.Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <b><i>ngợi quyết;</i></b></p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ <b><i>và phương thức gửi phiếu biểu quyết,</i></b> kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p>	<p>Viết theo khoản 5 điều 22 ĐL mẫu</p>

<p>e. <b><u>Các quyết định đã được thông qua;</u></b></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b><u>người đại diện theo pháp luật</u></b> của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác,</p>	<p>e) <i>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b><i>người kiểm phiếu</i></b> và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
<p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được <b><u>gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</u></b></p>	<p>6. Biên bản kiểm phiếu và <b><i>Nghị quyết</i></b> phải được <b><i>đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</i></b></p>	<p>Thay đổi cách thức công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết cho các cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 150 Luật doanh nghiệp</p>
<p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p>	<p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p>	
<p>8. <b><u>Quyết định</u></b> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ</p>	<p><b><i>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông</i></b></p>	<p>Bổ sung quy định</p>

<p>đồng bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>tại khoản 9 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 23:</b> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 24:</b> Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b><u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp</u></b></p> <p><b><u>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải</u></b></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ mục này do trùng phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều lệ sửa đổi</p>

<b><u>được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></b>		
<b><u>Không có</u></b>	<p><b><i>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây :</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b><i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i></b></li> <li><b><i>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i></b></li> <li><b><i>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</i></b></li> <li><b><i>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</i></b></li> <li><b><i>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</i></b></li> <li><b><i>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</i></b></li> <li><b><i>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</i></b></li> <li><b><i>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</i></b></li> <li><b><i>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có</i></b></li> </ul>	Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp

*hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ý biên bản họp.*

- 2. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.*
- 3. Nghị quyết, biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có được áp dụng.*
- 4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật doanh nghiệp.*
- 5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý*



	<p><i>kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p><b>6. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</b></p>	
<p><b>Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 25: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông <b>quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 22 Điều lệ này.</b></p>	<p>Bổ sung dẫn chiếu</p>
<p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p><b>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</b></p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Viết theo khoản 2 điều 24 ĐL mẫu</p>

<p>3. <b><u>Nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 12.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></b></p>	<p>Bỏ</p>	
<p><b>Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó</p>	<p>1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.</p>	
<p>2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi cổ đông sở hữu 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định <b><i>của Luật này và Điều lệ công ty.</i></b></p>	
<p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương VII</b> <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương VII</b> <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	

<b><u>Không có</u></b>	<b>Điều 27 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>	Bổ sung theo điều 25 PL 1 TT 116/2020/TT-BTC
<b><u>Không có</u></b>	<p><b>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a. Họ, tên, ngày, tháng năm sinh;</b></li> <li><b>b. Trình độ học vấn;</b></li> <li><b>c. Trình độ chuyên môn;</b></li> <li><b>d. Quá trình công tác;</b></li> <li><b>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</b></li> <li><b>f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</b></li> <li><b>g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</b></li> <li><b>h. Các thông tin khác (nếu có)</b></li> </ul> <p><b>2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ</b></p>	

	<p><i>phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số thành viên cần bầu.</i></p> <p><b>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</b></p> <p><b>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</b></p>	
<p><b>Điều 26:</b> Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 28:</b> Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05)</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm</p>	<p>Bổ sung theo khoản</p>

<p>người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</i></p>	<p>2 điều 26 PL 1 TT 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>Không có</u></p>	<p><b>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</b> <i>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</i></p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</li> <li>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</li> <li>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên;</li> </ul>	

<p>2. <u>Năm (05) thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu để cử các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>3. <u>Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>4. <u>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 27 Điều lệ sửa đổi</p>

<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi,</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống:</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và <b>được chấp thuận</b>;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Thành viên đó bị thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. <b>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</b></p>	
<p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so</p>	<p>Viết theo khoản 4 điều 160 Luật doanh nghiệp</p>

<p>được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p>	<p>với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo số lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	
<p>7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</p>	<p>5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	
<p>2. Cổ đông sáng lập có quyền thay thế thành viên Hội đồng quản trị do mình cử ra.</p>	<p><b><i>7. Thành viên hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</i></b></p>	<p>Bổ sung theo Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p><b>10. <u>Thành viên hội đồng quản trị của công ty không được</u></b></p>	<p><b>Bỏ</b></p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng</p>



<p><u>đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác</u></p>		<p>với phạm vi quy định tại khoản 7 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>11. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li><u>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u></li><li><u>b) Trình độ chuyên môn;</u></li><li><u>c) Quá trình công tác;</u></li><li><u>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</u></li></ul>	<p>Bỏ</p>	

Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 29: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p>	
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nhiệm vụ</b> sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</li> <li>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý</li> </ul>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nghĩa vụ</b> sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Quyết định chiến lược, <b>kế hoạch</b> phát triển <b>trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh</b> và ngân sách hàng năm;</li> <li>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;</li> </ul>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 27 Điều lệ mẫu</p>

<p>công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những</p>	<p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền <b>chào bán</b> của từng loại;</p> <p><b>g. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</b></p> <p>h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p><b>j. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp</b></p> <p>k. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p><b>l. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm</b></p>	
--	--	--

<p>người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p><i>quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i></p> <p>n. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>o. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể, phá sản Công ty.</p> <p><i>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</i></p> <p><i>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.</i></p>	
<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều <b><u>108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3</u></b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <i>khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>

<p>ty và liên doanh);</p> <p>d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt qua 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10 % mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p>	<p>đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt qua 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm ngoại trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10 % mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p>	
--	--	--

<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	
<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	
<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p>	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p>	
<p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (và số tiền thù lao cho từng thành viên) phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (và số tiền thù lao cho từng thành viên) phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	

<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>Điều 28: Chủ tịch Hội đồng quản trị.</b></p>	<p><b>Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị.</b></p>	
<p>1. Hội đồng quản trị <b>phải lựa chọn</b> trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị <b>bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</b> trong số các thành viên của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh giám đốc của Công ty.</p>	
<p>2. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và</b></p>	<p>2. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương</b></p>	

<p><b><u>chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</u></b></p>	<p>trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</p>	
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><i>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế, hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội</i></p>	<p>Bổ sung quy định tại khoản 4 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại Điều lệ mẫu</p>



	<i>đồng quản trị.</i>	
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn hoặc thay thế vì bất kì lí do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị <b><i>miễn nhiệm, bãi miễn</i></b> hoặc thay thế vì bất kì lí do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày <b><i>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế.</i></b>	Sửa đổi bổ sung theo khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu
<b>Điều 29: Thành viên hội đồng quản trị thay thế.</b>	<b>Điều 31: Thành viên hội đồng quản trị thay thế.</b>	
1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể chỉ định (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông	2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản	

<p>báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.</p>	<p>trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.</p>	
<p>3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên có được tái bổ nhiệm</p>	<p>3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên có được tái bổ nhiệm.</p>	
<p>4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	
<p>5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>	<p>5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>	
<p><b>Điều 30: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</b></p>	<p><b>Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</b></p>	
<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các</p>	<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các</p>	

<p>quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	<p>quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	
<p>2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p>	<p>2.Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p>	
<p>3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</li> <li>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Ban kiểm soát <b><u>và thành viên Hội đồng quản trị độc lập</u></b></li> </ol>	<p>3.Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần <b><i>thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</i></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a.Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;</li> <li>b.<b><i>Ít nhất</i></b> hai thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>c.Ban kiểm soát;</li> <li><b><i>d.Thành viên độc lập Hội đồng quản trị .</i></b></li> </ol>	
<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu</p>	<p>4. <b><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này.</i></b> Trường hợp</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 5 điều</p>

<p>tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể <b>tự mình</b> triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền <b>thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>30 Điều lệ mẫu</p>
<p>5. Trường hợp có yêu cầu của <b>kiểm toán viên độc lập</b>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>5. Trường hợp có yêu cầu của <b>tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</b>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	
<p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các <b>phiếu bầu</b> cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng</p>	<p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng</p>	

<p>ký tại công ty.</p> <p><b><u>Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp..</u></b></p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 9 Điều lệ sửa đổi</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><i>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</i></p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><i>9. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i></p>	
<p>8. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có</p>	<p>10. Biểu quyết :</p> <p>a. Trừ quy định tại <b>điểm b</b> Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p> <p>Bổ sung quy định tại điểm e theo quy</p>

<p>một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. <b>Một</b> thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại <b>Khoản 9d</b> Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố <b>một cách thích đáng</b>;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>Điều 120 của Luật Doanh nghiệp</b> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại <b>điểm d Khoản</b> này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố <b>một cách đầy đủ</b>;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này</b> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p><b>e. Kiểm soát viên có quyền dự họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.</b></p>	<p>định tại Khoản 7 Điều 157 Luật doanh nghiệp</p>
<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>	<p>11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Bổ sung quy định tại điểm d, e theo</p>

<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc <b><u>hình thức tương tự khác;</u></b></p>	<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác <i>đến dự họp và biểu quyết</i> nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <i>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;</i></p> <p>d. <i>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</i></p> <p>e. <i>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</i></p>	<p>quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp</p>
<p>10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị từ đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. <b><u>Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao</u></b></p>	<p>12. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. <i>Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại</i></p>	<p>Thay đổi cách diễn đạt theo Điều lệ mẫu</p>

<p><b><u>dịch hoặc họp đồng liên quan.</u></b></p>	<p><i>cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên</i></p>	
<p>11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định</p>	<p>13. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt <b>và có quyền biểu quyết (trên 50%), trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 của Điều lệ này.</b> Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>hoặc chủ tọa cuộc họp</b> sẽ là lá phiếu quyết định.</p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>14. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</li> </ul> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội</p>	



	<p>đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p>	
<p>12. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p>	<p>15. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p>	
<p><b>13.</b> Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của <b><u>tất cả các thành</u></b></p>	<p>16. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị <b><i>hoặc chủ tọa cuộc họp</i></b> có trách nhiệm lập biên bản họp Hội đồng quản trị <b><i>theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp</i></b> và gửi cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập</p>	

<p><b><u>viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</u></b></p>	<p>bằng tiếng Việt và phải có chữ ký ít nhất của <i>chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.</i></p>	
<p>14. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương VIII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương VIII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 31: Tổ chức bộ máy quản lý.</b></p>	<p><b>Điều 33: Tổ chức bộ máy quản lý.</b></p>	
<p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, một số Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc điều hành và một kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc</p>	<p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm <i>trước Hội đồng quản trị</i> và <i>chịu sự giám sát, chỉ đạo</i> của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc và một kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội</p>	

<p>điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	
<p><b>Điều 32: Cán bộ quản lý.</b></p>	<p><b>Điều 34: Cán bộ quản lý.</b></p>	
<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được <b><u>sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc</u></b> phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được <b><i>tuyển dụng một số lượng cán bộ quản lý với số lượng và tiêu chuẩn cần thiết hoặc</i></b> phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	<p>Thay đổi cách diễn đạt theo Điều lệ mẫu</p>
<p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p> <p>3. <b><i>Tiền lương của cán bộ quản lý được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</i></b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 điều 34 Điều lệ mẫu</p>
<p><b>Điều 33: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.</b></p>	<p><b>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.</b></p>	

<p>1. <b>Bổ nhiệm:</b> Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>1. <b>Bổ nhiệm:</b> Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, <b>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</b> và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	
<p>2. <b>Nhiệm kỳ:</b> Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành là 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p>	<p>2. <b>Nhiệm kỳ:</b> Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với <b>số nhiệm kì không hạn chế</b>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp</p>
<p>3. <b>Quyền hạn và nhiệm vụ:</b> Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải</p>	<p>3. <b>Quyền hạn và nhiệm vụ:</b> Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết</p>	<p>Bổ sung quy định tại điểm j, k Điều lệ sửa đổi theo quy định tại Điều lệ mẫu</p>

<p>có nghị quyết của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty được quyền bổ nhiệm các chức danh từ Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống và báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị.</p> <p>d. Báo cáo Hội đồng quản trị trước khi quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.</p> <p>f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm</p>	<p>của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c.Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý. Giám đốc Công ty được quyền bổ nhiệm các chức danh từ Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống và báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Báo cáo Hội đồng quản trị trước khi quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. <b>Muộn nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm</b>, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.</p> <p>f.Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p>	<p>Sửa theo tình hình thực tế công ty</p>
--	---	---

<p>được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty:</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.</p>	<p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.</p> <p><b>j. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</b></p> <p><b>k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</b></p>	
<p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu</p>	<p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	
<p>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p>	<p>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm</p>	

<p>mới thay thế. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phân đỏi việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	<p>này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	
<p><b>Điều 34: Thư ký Công ty.</b></p>	<p><b>Điều 36: Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty.</b></p>	
<p>Hội đồng quản trị có thể chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>b. <b>Làm</b> biên bản các cuộc họp;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên</li> </ul>	<p><b>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</b></p> <p>2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Hỗ trợ</b> tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>b. <b>Ghi chép</b> biên bản các cuộc họp;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</li> </ul>	

<p>của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>e. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</i></p> <p><i>f. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</i></p> <p><i>g. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</i></p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p><b>3. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.</b></p>	<p>Bổ sung quy định tại điểm e, f, g Điều lệ sửa đổi theo quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương IX</b></p> <p style="text-align: center;"><b>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương IX</b></p> <p style="text-align: center;"><b>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b></p>	<p>Sửa tiêu đề</p>
<p><b>Điều 35:</b> Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.</p>	<p><b>Điều 37:</b> Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý.</p>	



<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát</b>, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	
<p><b>Điều 36:</b> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p>	<p><b>Điều 38:</b> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>1. <b>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác</b></p>	<p>Bổ sung quy định tại khoản này theo quy định tại Điều lệ mẫu</p>
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát</b>, Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát</b>, Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản</p>	

<p>Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p>	<p>trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p>	
<p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và <b>gia đình</b> của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát</b>, Giám đốc, cán bộ quản lý và <b>người có liên quan</b> của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	
<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vị thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát</b>, Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vị thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích</p>	

<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ 20% trở xuống so với tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn</p>	<p>đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ 20% trở xuống <b>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ những giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc</b> đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% <b>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 20%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc</b> đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.;</p>	<p>Viết theo khoản 6 điều 47 ĐL mẫu</p>
---	--	---

	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>d. <i>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</i></p> <p>e. <i>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</i></p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 điều 47 ĐL mẫu</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>6. <i>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết</i></p>	

	<i>này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin</i>	
<b><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</u></b>	<b>Bỏ</b>	Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại điểm e khoản 5 Điều 38 Điều lệ sửa đổi
<b>Điều 37: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .</b>	<b>Điều 39: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .</b>	
<b>1.</b> Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ <b><u>hành động</u></b> một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	<b>1.</b> Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, <b><i>thành viên Ban kiểm soát</i></b> , Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, <b><i>trách nhiệm</i></b> trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	
<b>2.</b> Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có <b><u>nguy cơ</u></b> trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công	<b>2.</b> Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và <b><u>có thể</u></b> trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành, cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <b><i>thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc</i></b> , cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện	

<p>ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương X</b> <b>BAN KIỂM SOÁT</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương X</b> <b>BAN KIỂM SOÁT</b></p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>Điều 40 : Ứng cử, đề cử thành viên ban kiểm soát</i></b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 36 điều lệ mẫu</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b><i>1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện trong tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.</i></b></p>	

	<p>2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên;</li> <li>b. Từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên;</li> <li>c. 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên;</li> <li>d. 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên;</li> <li>e. Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</li> </ul> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 38: Thành viên Ban kiểm soát.</b></p>	<p><b>Điều 41: Thành phần Ban kiểm soát.</b></p>	<p>Sửa tiêu đề</p>
<p>1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Không phải là vợ hoặc chồng,</p>	<p>1. Ban ki ký báo cáo của Ban kiểm soát 2. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp đồng thời không phải là nhân viên trong bộ</p>	<p>-Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 4</p>

<p>cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty. <b><u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau đây</u></b></p> <p><b><u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</u></b></p> <p><b><u>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</u></b></p> <p><b><u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p>	<p>phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty <b><i>trong 3 năm liền trước đó; không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác.</i></b></p>	<p>Điều lệ sửa đổi</p> <p>- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát theo Điều 37 Điều lệ mẫu</p>
<p>2. <b><u>Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</u></b></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại Điều 40 Điều lệ sửa đổi</p>



<b><u>Không có</u></b>	3. <i>Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</i>	Bổ sung theo quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không qua năm (05) năm; thành viên Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	4 .Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; thành viên Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	
<b><u>Không có</u></b>	<p><b>5.Trưởng ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau đây:</b></p> <p><i>a.Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</i></p> <p><i>b.Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>c.Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>d. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p>	
<b><u>Không có</u></b>	6.Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp	

	<p><i>sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;</i></li> <li><i>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</i></li> <li><i>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></li> </ul>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><i>7. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</i></li> <li><i>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></li> <li><i>c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></li> </ul>	
<p><b>4. <u>Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b><u>d. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u></b></li> <li><b><u>e. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</u></b></li> <li><b><u>f. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các</u></b></li> </ul>	<p><b>Bỏ</b></p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều lệ sửa đổi</p>

<p><b><u>thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi</u></b></p> <p><b><u>g. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></b></p>		
<p><b>Điều 39: Ban kiểm soát.</b></p>	<p><b>Điều 42: Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát.</b></p>	<p>Sửa tiêu đề</p>
<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất <b><u>lựa chọn công ty kiểm toán độc lập</u></b>, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p>	<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a.Đề xuất và <b><i>kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận</i></b>, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán <b><i>được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</i></b></p> <p>b.Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c.Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp</p>	<p>- Thay cụm “công ty kiểm toán độc lập” bằng thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo Luật doanh nghiệp</p> <p>- Bỏ quy định tại điểm i Điều lệ hiện hành do trùng với phạm vi quy định tại</p>

<p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>i. <b><u>Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u></b></p> <p>j. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình</p> <p>k. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;</p> <p>l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi</p>	<p>lý và đảm bảo tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d.Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e.Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f.Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g.Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h.Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;</p> <p><b><i>i.Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp</i></b></p> <p>j.Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>k.Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;</p> <p>l.Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có</p>	<p>điểm a Điều lệ sửa đổi</p> <p>- Bổ sung quy định tại điểm i, điểm m Điều lệ sửa đổi theo Điều lệ mẫu</p>
--	--	---

<p>phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	<p>hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;  m. <b>Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.</b></p>	
<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, <b>cổ đông</b> và bản sao các biên bản họp, <b>ng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</b> sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và <b>phương thức</b> chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị và cổ đông.</p>	
<p>3 . Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm Soát, Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và <b><u>số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người</u></b></p>	<p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm Soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều lệ mẫu</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 điều 40 Điều lệ</p>

	và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	mẫu
4. Mức thù lao của các thành viên ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	4. Mức thù lao, <i>tiền lương và lợi ích khác</i> của các thành viên ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
<b>Chương XI</b>  <b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>Chương XI</b>  <b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 40: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.</b>	<b>Điều 43: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.</b>	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <b>Điều 26.3 và Điều 38.2</b> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy	1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:  <i>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính</i>	Bổ sung, sửa đổi theo khoản 1 Điều 49 ĐL mẫu

<p>ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><b><i>xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</i></b></p> <p><b><i>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</i></b></p> <p><b><i>c) Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i></b></p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	
<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các</p>	<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo</p>	

<p>báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>4.Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương XII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b></p>	
<p><b>Điều 41: Công nhân viên và công đoàn.</b></p>	<p><b>Điều 44: Công nhân viên và công đoàn.</b></p>	
<p>Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động. <b><u>Công ty tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật hiện hành</u></b></p>	<p>1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động.</p>	<p>Bỏ quy định tại khoản 1 Điều lệ hiện hành do trùng với phạm vi quy định tại khoản 2 Điều lệ sửa đổi</p>



<b><u>Không có</u></b>	<p><i>2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành</i></p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương XIII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XIII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b></p>	
<b>Điều <u>42</u>: <u>Cổ tức</u></b>	<b>Điều 45: <i>Phân chia lợi nhuận.</i></b>	Sửa cách ghi tiêu đề
<p><b>1.</b> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>1.</b> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>2.</b> Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p>	<p><b>2.</b> Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p>	

<p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p>	<p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p>	
<p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng <b><u>những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành)</u></b> và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p>	<p>4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng <b><i>cổ phiếu</i></b> và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p>	<p>Viết theo khoản 3 điều 51 Điều lệ mẫu</p>
<p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán</p>	<p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	

<p>khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p>		
<p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p>	<p>6.Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p>	
<p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm <b><u>ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty</u></b>. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. <b><u>Ngày khóa sổ này</u></b> có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p>7.Căn cứ Luật Doanh nghiệp, <b><i>Luật chứng khoán</i></b>, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm <b><i>ngày chốt danh sách cổ đông</i></b>. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. <b><i>Ngày chốt danh sách này</i></b> có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p>Thay cụm từ “ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh” bằng thuật ngữ “ngày chốt danh sách cổ đông”</p>
	<p><b><i>8.Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</i></b></p>	

<b><u>Điều 43: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.</u></b>	<b>Bỏ</b>	Bỏ quy định tại mục này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 8 Điều lệ sửa đổi
<b><u>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</u></b>	<b>Bỏ</b>	
<b>Chương XIV</b>  <b>SỬ DỤNG THƯƠNG HIỆU VÀ LOGO VIGLACERA</b>	<b>Chương XIV</b>  <b>SỬ DỤNG THƯƠNG HIỆU VÀ LOGO VIGLACERA</b>	
<b>Điều 44: Sử dụng thương hiệu và logo.</b>	<b><i>Điều 46: Sử dụng thương hiệu và logo.</i></b>	
<p>Công ty sử dụng thương hiệu và logo của Tổng công ty Viglacera theo hợp đồng số 014 VGC-HĐLK ngày 23 tháng 10 năm 2005 và văn bản số 1122/TCT-TCKT ngày 26/10/2007; cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giá trị quyền sử dụng thương hiệu 5.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ đồng)</li> <li>2. Phí duy trì và phát triển thương hiệu là 0,35% doanh thu thực hiện của năm trước liền kề.</li> </ol>	<p>Công ty sử dụng thương hiệu và logo của Tổng công ty Viglacera - CTCP theo hợp đồng số 014 VGC-HĐLK ngày 23 tháng 10 năm 2005 và văn bản số 1122/TCT-TCKT ngày 26/10/2007 và những Hợp đồng, văn bản khác của Tổng công ty Viglacera – CTCP phù hợp theo từng thời kỳ; cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giá trị quyền sử dụng thương hiệu 5.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ đồng)</li> <li>2. Phí duy trì và phát triển thương hiệu là 0,35% doanh thu thực hiện của năm trước liền kề.</li> </ol>	
<b>Chương XV</b>	<b>Chương XV</b>	Sửa tiêu đề theo

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>HỆ THỐNG</u> KẾ TOÁN	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>CHẾ ĐỘ</u> KẾ TOÁN	hướng dẫn tại Điều lệ mẫu
<b>Điều 45: Tài khoản ngân hàng.</b>	<b>Điều 47: Tài khoản ngân hàng.</b>	
1. Công ty sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	1. Công ty sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật	2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.	
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản	
<b>Điều 46: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.</b>	<b>Bỏ</b>	
Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ	Bỏ	Không phù hợp với tình hình thực tế công ty và các quy định pháp luật. Việc tăng vốn điều

bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.		lệ thông qua các hình thức phát hành, chào bán cổ phiếu công ty phải xin ý kiến ĐHĐCĐ và được chấp thuận thông qua theo điểm b khoản 2 điều 138 Luật doanh nghiệp.
<b>Điều 47: Năm tài khóa.</b>	<i>Điều 48: Năm tài chính</i>	Thay cụm “năm tài khóa” bằng thuật ngữ “ năm tài chính
Năm <b>tài khóa</b> của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.	Năm <b>tài chính</b> của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.	
<b>Điều 48: Hệ thống kế toán.</b>	<b>Điều 49: Chế độ kế toán.</b>	Sửa tiêu đề theo hướng dẫn tại Điều lệ mẫu
1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài	1. <b>Chế độ</b> kế toán Công ty sử dụng là <b>Chế độ</b> Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận	

<p>chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>phù hợp từng thời kỳ.</p> <p>2.Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia <i>theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</i>. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3.Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. <i>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</i></p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương XVI</b></p> <p style="text-align: center;"><b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p> <p style="text-align: center;"><b><u>VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u></b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XVI</b></p> <p style="text-align: center;"><b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p>	<p>Sửa tiêu đề theo hướng dẫn tại Điều lệ mẫu</p>
<p><b>Điều 49: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.</b></p>	<p><b>Điều 50: Báo cáo tài chính hàng năm</b></p>	<p>Sửa tiêu đề</p>
<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại</p>	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>

<p><b>Điều 51</b> của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch Chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh và Tổng công ty Viglacera.</p>	<p><b>Điều 52</b> của Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	
<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán <b>tổng hợp</b> về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p>	<p>2. Báo cáo tài chính năm <b>đã được kiểm toán</b> phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán <b>hợp nhất</b> về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p>	
<p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và <b>Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm giao dịch Chứng khoán</b> và Tổng công ty Viglacera.</p>	<p>3. Công ty phải lập <b>và công bố</b> các báo cáo <b>tài chính</b> sáu tháng <b>đã soát xét (nếu có)</b> theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và <b>nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền</b>.</p>	<p>Sửa theo khoản 3 điều 55 DL mẫu</p>
<p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm</p>	<p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm</p>	



<p>toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông <b><u>và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</u></b></p>	<p>toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. <i>Các báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty phải được công bố trên website của công ty.</i></p>	<p>Bỏ quy định công bố trên báo địa phương khi công ty đã có website.</p>
<p>5. Các cổ đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>5. Các cổ đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo <i>tài</i> chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý (nếu có) trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b>Điều 51: Báo cáo thường niên</b></p>	
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><i>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</i></p>	
<p><b><u>Điều 50: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.</u></b></p>	<p><b><u>Bỏ</u></b></p>	<p>Bỏ quy định tại Điều này do trùng với phạm vi quy định tại khoản 3 Điều lệ sửa đổi</p>

<p><u>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p><b>Bổ</b></p>	
<p style="text-align: center;"><b>Chương XVII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XVII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều <u>51</u>: Kiểm toán.</b></p>	<p><b>Điều 52: Kiểm toán.</b></p>	
<p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, <u>hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng</u></p>	<p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập <i>hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị</i></p>	<p>Sửa theo khoản 1 điều 57</p>

<p><b><u>nhân đăng ký kinh doanh</u></b></p>		
<p>1. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	<p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	
<p><b><u>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận</u></b></p>	<p><b>Bỏ</b></p>	<p>Bỏ quy định tại khoản này do không sát với thực tế.</p>
<p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty</p>	<p><b>3. Báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</b></p>	<p>Sửa theo khoản 3 điều 57 Điều lệ mẫu và thực tế báo cáo kiểm toán bản gốc được đính kèm báo cáo tài chính</p>
<p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán</p>	<p>4. Kiểm toán viên <b>độc lập</b> thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Sửa theo khoản 3 điều 57 Điều lệ mẫu</p>

<p style="text-align: center;"><b>Chương XVIII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CON DẤU</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XVIII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CON DẤU</b></p>	
<p><b>Điều 52: Con dấu.</b></p>	<p><b>Điều 53: Con dấu.</b></p>	
<p>1 Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <p style="margin-left: 40px;">a. Tên doanh nghiệp;</p> <p style="margin-left: 40px;">b. Mã số doanh nghiệp.</p> <p>2 Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>4. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Viết theo điều 58 Điều lệ mẫu</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương XIX</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XIX</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p>	

<p><b>Điều 53: Chấm dứt hoạt động</b></p>	<p><b>Điều 54: Chấm dứt hoạt động.</b></p>	
<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Các trường hợp khác do pháp luật quy định</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a.Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b.Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b><i>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</i></b></p> <p>d.Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>	<p>Bổ sung điểm c Điều lệ sửa đổi theo quy định tại Điều 207 Luật doanh nghiệp</p>
<p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định</p>	<p>2.Việc giải thể Công ty trước thời hạn <b><i>(kể cả thời hạn đã gia hạn)</i></b> do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền <b><i>(nếu bắt buộc)</i></b> theo quy định.</p>	
<p><b>Điều 54: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.</b></p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p>	<p><b><i>Bỏ</i></b></p>	<p>Nội dung này không còn phù hợp, lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo bộ cục PL 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC;</li> <li>- cổ đông nắm giữ</li> </ul>

<p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông</p>		ít nhất 1% số CP phổ thông đã có quyền khởi kiện TV HĐQT, GD, TGD theo điều 166 Luật doanh nghiệp
<p><b>Điều 55: Gia hạn hoạt động</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ <b>51%</b> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<i>Bỏ</i>	
	<p><b>Điều 55: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</b></p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một</p>	Bổ sung

	<p>nửa số phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền khiếu nại tới tòa án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động</li> <li>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</li> </ol>	
<p><b>Điều 56: Thanh lý</b></p>	<p><b>Điều 56: Thanh lý</b></p>	
<p>1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty</p>	<p>1. <b><i>Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty</i></b> hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các</p>	<p>Bổ sung quy định về thời hạn thành lập ban thanh lý theo Điều lệ mẫu</p>

	khoản nợ khác của Công ty.	
<p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p>	<p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p>	
<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền <b><u>lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</u></b></p> <p>c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền <i><b>nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</b></i></p> <p>c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước</p>	<p>Viết theo mục b khoản 3 điều 61 Điều lệ mẫu</p>
<p><b>Chương XX</b></p> <p><b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b></p>	<p><b>Chương XX</b></p> <p><b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b></p>	



<b>Điều 57: Giải quyết tranh chấp nội bộ.</b>	<b>Điều 57: Giải quyết tranh chấp nội bộ.</b>	
<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Cổ động với Công ty;</li><li>b. Cổ động với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.</li></ul> <p><b><u>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.</u></b></p> <p><b><u>Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu bên thứ ba hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp</u></b></p>	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, các quy định hành chính quy định hoặc thỏa thuận giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Cổ động với Công ty;</li><li>b. Cổ động với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.</li></ul>	<p>Bổ quy định tại khoản 1 Điều lệ hiện hành do trùng với phạm vi quy định tại khoản 2 Điều lệ sửa đổi</p>

<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p>2. <i>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu bên thứ ba hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</i></p>	
<p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế</p>	<p>3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế</p>	
<p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ <b><u>do Toà phán quyết bên nào phải chịu.</u></b></p>	<p>4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ <b><i>thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</i></b></p>	<p>Thay đổi cách diễn đạt theo điều lệ mẫu</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương XXI</b> <b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XXI</b> <b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b></p>	

<p><b>Điều 58: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.</b></p>	<p><b>Điều 58: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.</b></p>	
<p>Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</li> <li>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty</li> </ol>	<p>Thay đổi cách đánh số thứ tự</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương XXII</b></p> <p style="text-align: center;"><b><u>NGÀY HIỆU LỰC</u></b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XXII</b></p> <p style="text-align: center;"><b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p>Sửa tên tiêu đề theo điều lệ mẫu</p>
<p><b><u>Điều 59: Ngày hiệu lực.</u></b></p>	<p><b>Điều 59: Hiệu lực thi hành.</b></p>	<p>Sửa tiêu đề</p>
<ol style="list-style-type: none"> <li>Bản điều lệ này <b><u>gồm XXII chương 59 điều</u></b>, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội nhất trí thông qua <b><u>ngày 04 tháng 12 năm 2018</u></b> tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Bản điều lệ này <b><i>gồm 22 chương 59 điều</i></b>, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội nhất trí thông qua <b><i>ngày 08 tháng 04 năm 2021</i></b> tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi cách đánh số thứ tự</li> <li>- Bỏ quy định tại khoản 2, 3 điều</li> </ul>

<p>Điều lệ này .</p> <p>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</li><li>05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</li><li>04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</li></ol> <p>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p> <p><b>2. <u>Quy định tại Khoản 10 điều 26 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019</u></b></p> <p><b>3. <u>Quy định tại Khoản 1 điều 28 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020</u></b></p>	<ol style="list-style-type: none"><li>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, được lưu tại Văn phòng Công ty và được gửi theo quy định.</li><li>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</li><li>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</li></ol> <p style="text-align: center;"><b>HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT GIÁM ĐỐC CÔNG TY</b></p>	<p>lệ hiện hành</p>
---	--	---------------------

## TỜ TRÌNH

*V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 về Hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo các văn bản pháp luật hiện hành như văn bản gửi kèm theo để Hội đồng quản trị có căn cứ ban hành theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị nhận thấy việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty là việc làm quan trọng và cần thiết để phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị hiện hành.

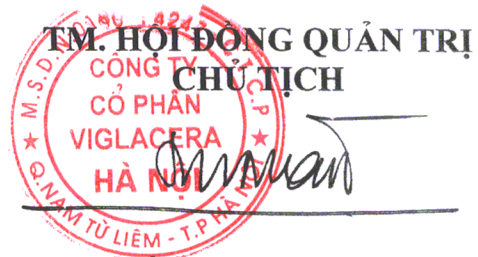
Các quy định của Quy chế nội bộ về Quản trị công ty được ban hành sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.



QUÁCH HỮU THUẬN

## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số        /VIH - ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội

### **CĂN CỨ**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

## **CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

### **Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty**

- Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật;
- Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội;
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát quản lý và kiểm soát công ty hiệu quả.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

1. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020.

3. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019.

4. "Công ty" là Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

5. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

6. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

7. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của C.

8. "Cán b quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

9. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

10. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

11. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

12. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.

13. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

## **CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 13, 14 Điều lệ công ty, và các quyền và nghĩa vụ sau:



a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất của mình theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 16 Điều lệ công ty.

#### **Điều 6. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

#### **Mục 2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

#### **Điều 7. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại

hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty

6. Đại hội cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty.

7. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, trang công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước.

### **Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.

### **Điều 10. Chương trình, nội dung Đại hội**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 19 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 11. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 12. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp hoặc qua thư, fax, thư điện tử, hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực họp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách dự họp.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Việc đăng ký dự họp được thực hiện tại địa điểm chính diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tại các địa điểm họp khác được Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp sắp xếp.

4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc phiếu biểu quyết và/hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết hoặc số phiếu bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.

5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

#### **Điều 15. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

3. Trường hợp biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được giơ riêng từng lần theo từng vấn đề khi chủ tọa có yêu cầu.

4. Trường hợp biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp và bỏ các phiếu biểu quyết đó vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế bầu cử tại mỗi cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông. Các phiếu bầu cử này cũng sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

#### **Điều 16. Cách thức kiểm phiếu**

1. Trường hợp biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

2. Trường hợp biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, sau khi cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã hoàn tất việc bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết thu về so với số phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết thu về. Số phiếu “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không có ý kiến” và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.

#### **Điều 17. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 18. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Ban kiểm phiếu lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.

#### **Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong trường hợp Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa

thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 20. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 21. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

### **Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

#### **Điều 23. Thẩm quyền và Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 14 Quy chế này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Chuẩn bị tài liệu:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ công ty.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Danh sách cổ đông có quyền gửi ý kiến bằng văn bản được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh

sách cổ đông có quyền gửi ý kiến bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

#### 4. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

#### 5. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

#### 6. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Cán bộ quản lý. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu và lưu giữ tài liệu

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

#### 9. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

#### 10. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Mhiếu4. Trình t ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm the**

**Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử**

##### 1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

##### 3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

##### 4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

##### 5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

##### 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu



a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.

12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

**Miệch yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện hội đồng cổ đông thường niên**

**Điều 26. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

e. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;

f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

g. Các kế hoạch trong tương lai.

### **Điều 27. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Kết quả giám sát và đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;

f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Mục 1: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

##### **Điều 28. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 29 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Cán bộ quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- e. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cán bộ quản lý khác của Công ty;
- h. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Quy chế này.

##### **Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

f. Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

### **Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị**

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 31. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền**

Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;
- b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;
- c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền;
- d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

#### **Điều 32. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **Điều 33. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

### 1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

### 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và Cán bộ quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

### 4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch;
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty.

### **Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 35. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với

tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

2. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, bao gồm các thông tin về cổ đông, tổng số phiếu bầu của cổ đông, danh sách ứng cử viên, có đóng dấu treo Công ty.

Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bị tẩy xóa, gạch sửa, viết thêm nội dung vào phiếu bầu, bầu nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT được phép bầu hoặc không có chữ ký xác nhận của cổ đông.

### **Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó có đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;

d. Công ty bị phá sản, giải thể;

e. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó đã chấm dứt hoạt động hoặc thành viên đó không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức;

f. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

g. Thành viên đó bị thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

**Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 38. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

**Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

**Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.**

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**Mục 4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

**Điều 40. Triệu tập họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;
- Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;



- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại điểm a khoản 2 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 41. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp**

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập.

#### **Điều 42. Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp họp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại

trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### **Điều 43. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Trừ quy định tại Khoản 3 điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp và có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 của Điều lệ Công ty. Trường hợp số phiếu tán thành và

phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ toạ là phiếu quyết định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại khoản 5 điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

#### **Điều 44. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

#### **Điều 45. Thông báo Nghị quyết HĐQT**

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo trình tự và quy định của hiện hành.

### **Mục 5. Người phụ trách quản trị công ty**

#### **Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều 36 Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT**

**Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

### **Điều 47. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Điều 171 và 173 Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cán bộ quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 5 Điều 21 và khoản 4 Điều 41 Điều lệ Công ty.

#### **Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

##### **Điều 49. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

3. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.

2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

3. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Không phải là cán bộ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 51. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 40 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 52. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

1. Cách thức biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

#### **Điều 53. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

**Điều 54. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty, trang công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo trình tự và quy định của pháp luật.

**Điều 55. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát cần được làm rõ.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

**Điều 56. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp.

**CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

**Điều 57. Tiêu chuẩn của cán bộ quản lý Công ty**

- 1. Tiêu chuẩn của cán bộ quản lý Công ty
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
  - c. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;
  - d. Có năng lực quản trị;
  - e. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Giám đốc) sẽ do Giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc/Phó Giám đốc



a. Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật.

c. Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.

d. Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán.

b. Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

#### **Điều 58. Việc bổ nhiệm Cán bộ quản lý**

1. Cán bộ quản lý phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. HĐQT bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Việc bổ nhiệm Cán bộ quản lý khác (trừ Giám đốc) gồm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban nghiệp vụ và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn theo đề xuất của Giám đốc.

4. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

#### **Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc**

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 60. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý công ty**

1. Đối với chức vụ Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép

Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- c. Những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Đối với chức vụ cán bộ quản lý công ty khác: việc miễn nhiệm, bãi nhiệm do Hội đồng quản trị quyết định theo đề xuất của Giám đốc,

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

#### **Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức người quản lý, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và trang công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo trình tự và quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 62. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và

phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 63. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đảm bảo Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị. Chương trình, nội dung các cuộc họp này phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

4. Khi Ban kiểm soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc.

5. Hội đồng quản trị phải đảm bảo tất cả các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm.

### **Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Giám đốc**

1. Phối hợp trong việc triển khai công việc

a. Hội đồng quản trị khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của Hội đồng quản trị. Đối với công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước ngày Đại hội đồng cổ đông.

b. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thành viên Ban Giám đốc

và/hoặc cán bộ quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).

c. Tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất hoặc các cuộc họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Giám đốc chủ trì, Chủ tọa cuộc họp căn cứ vào nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên Hội đồng quản trị dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản và gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị một bản để báo cáo.

d. Đối với các vấn đề mà Hội đồng quản trị phê duyệt theo Tờ trình của Giám đốc, Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên cùng thỏa thuận.

e. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ cho Hội đồng quản trị (quý/06 tháng/năm) và cho Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc khi được yêu cầu.

f. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

g. Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.

h. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.

2. Phối hợp khác Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

## **Điều 65. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Giám đốc**

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc Thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cuộc họp khác do Giám đốc chủ trì.

Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một (01) bản cho Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát để trực tiếp theo dõi.

## **Điều 66. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

1. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị

Trường hợp Giám đốc (hoặc thành viên Ban kiểm soát) phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (hoặc Giám đốc) và cán bộ quản lý khác, Giám đốc (hoặc Ban kiểm soát) phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Giám đốc và Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi nhận thấy có sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất của Công ty.

2. Giám đốc có thể xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình tại khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

## **CHƯƠNG VII – ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

## **Điều 67. Đánh giá hoạt động**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Giám đốc.

3. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Thành viên Ban kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức tự đánh giá.

4. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác do Giám đốc thực hiện hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

5. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị.

b. Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.

c. Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.

d. Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

e. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.

f. Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.

g. Mức độ tín nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.

## **Điều 68. Khen thưởng**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty.

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

### **Điều 69. Kỷ luật**

1. Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VIII. CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 70. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông, Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

## **CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 71. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## **Điều 72. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 09 chương, 72 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội thống nhất thông qua ngày 08 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



## TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 qua ngày 17/06/2020 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty như văn bản gửi kèm theo để Hội đồng quản trị có căn cứ ban hành theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn quản trị công ty đại chúng, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VIGLACERA  
HÀ NỘI  
**QUÁCH HỮU THUẬN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI**

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

# MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	3
CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	7
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị .....	11
CHƯƠNG 4. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	13
CHƯƠNG 5. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH .....	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm .....	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	14
CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	15
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành .....	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát .....	15
CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	16
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	16

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../VIH-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

## **CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên và nhiều nhất là mười một (11) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
  - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 6 Quy chế này.
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;
  - d. Công ty bị phá sản, giải thể;
  - e. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó đã kết thúc hoạt động hoặc thành viên đó không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức;
  - g) Thành viên đó b c đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó đã kết thúc hoạt động hoặc thành viên đó không còn.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;
  - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

## **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 Điều lệ công ty, chi tiết như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số thành viên được bầu.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác theo Điều 35 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

## **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;



g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

đ) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

g) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty;

h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

k) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và khoản 4, khoản 5 Điều 38 của Điều lệ này;

n) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác do Điều lệ

công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

o) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

u) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **CHƯƠNG 4. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 của Điều lệ Công ty; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp.

## **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG 5. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Căn cứ vào tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc thỏa thuận hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

c) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.



2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Số *11* /VIH-ĐHĐCĐ

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 qua ngày 17/06/2020 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như văn bản gửi kèm theo để Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có căn cứ ban hành theo quy định của pháp luật.

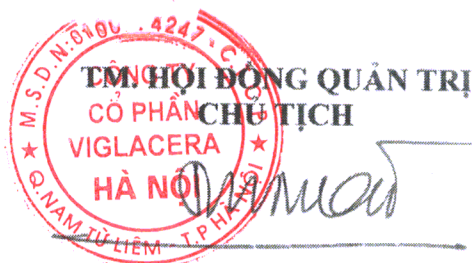
Trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn quản trị công ty đại chúng, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.



QUÁCH HỮU THUẬN

Bắc Ninh, ngày ... tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../VIH- BKS ngày .../04/2021  
Của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội).

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../VIH-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

#### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. [Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.



17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
  - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
  - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

## **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

## **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công

ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

**Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

**Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội bao gồm 07 (bảy) chương, 22 (hai hai) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/04/2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Ngô Trọng Toán**

## TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch niêm yết cổ phiếu của Công ty trên  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**  
**Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với nội dung như sau:

- Cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu công ty cổ phần Viglacera Hà Nội
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 5.600.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan, cụ thể:

+ Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp và triển khai các công việc liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về niêm yết chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Cổ đông và Công ty, cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xây dựng hồ sơ niêm yết theo quy định và giải trình hồ sơ đăng ký niêm yết theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán.

+ Ủy quyền cho HĐQT thực hiện hủy Đăng ký giao dịch chứng khoán sau khi đã có chấp thuận niêm yết cổ phiếu.

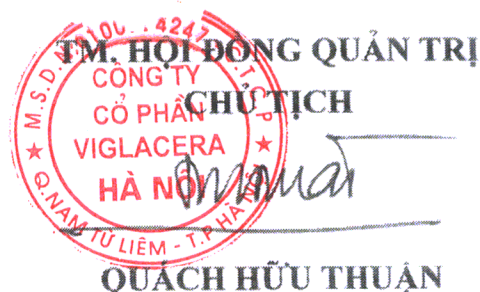
+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan để hoàn thành niêm yết cổ phiếu công ty trên Sở giao dịch chứng khoán.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua.**

*Xin trân trọng cảm ơn./.*

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**VIGLACERA**  
**HÀ NỘI**  
**CHỦ TỊCH**  
**QUÁCH HỮU THUẬN**

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI**

<b>Tên Doanh nghiệp:</b>	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
<b>Địa chỉ:</b>	Tầng 15 Toà nhà Viglacera - Số 1 Đại lộ Thăng Long - Hà Nội
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD:</b>	Số 0103024234 đăng ký lần đầu ngày 02/05/2008. Số 0100774247 đăng ký lần thứ 6 ngày 27/12/2018
<b>Thời gian họp:</b>	Bắt đầu lúc 09 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 04 năm 2021
<b>Địa điểm họp:</b>	Hội trường - Nhà máy Viglacera Yên Phong, Khu công nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
<b>Chương trình và nội dung đại hội:</b>	Theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua (như được đính kèm Biên bản này)
<b>Thành phần tham dự</b>	Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 10/03/2021 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
<b>Chủ tọa Đại hội:</b>	Ông Quách Hữu Thuận
<b>Thư ký Đại hội:</b>	Ông Nguyễn Tất Thắng
<b>Số đại biểu tham dự:</b>	39 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 5.069.126 cổ phần bằng 90,52% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự

**I. PHÂN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

**1. Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Tổ kiểm phiếu biểu quyết.**

Đại diện Ban tổ chức giới thiệu đoàn chủ tịch, Ban thư ký và tổ kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội. Đại hội đã biểu quyết tán thành với tỷ lệ 100% về thành phần đoàn chủ tịch, ban thư ký và tổ kiểm phiếu theo chức danh sau:

### 1.1 Đoàn chủ tịch:

- Ông Quách Hữu Thuận                      Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Tiến Dũng                            Ủy viên HĐQT
- Ông Đinh Quang Huy                        Ủy viên HĐQT

### 1.2 Ban thư ký:

- Ông Nguyễn Tất Thắng                      Cán bộ Phòng KHĐT

### 1.3 Tổ kiểm phiếu biểu quyết:

- Bà Bùi Thu Hằng                              Kế toán trưởng Công ty
- Ông Nguyễn Quang Thái                    Trưởng phòng KHĐT
- Ông Lê Thế Quyền                            Nhân viên phòng TCKT

## **2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự, khai mạc Đại hội:**

Ông Nguyễn Quảng Nam - Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và Ban tổ chức tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Tổng số cổ đông mời tham dự Đại hội là 372 cá nhân và tổ chức, tương ứng 5.600.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số cổ đông và người được ủy quyền có mặt tại Đại hội là 39 người, đại diện cho 5.069.126 cổ phần, chiếm 90,52% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

## **II. PHÂN NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

### **1. Thông qua chương trình làm việc tại Đại hội:**

Ông Nguyễn Quảng Nam thay mặt ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Quy chế làm việc của Đại hội; trình bày chương trình làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và đã được Đại hội thông qua với 100% biểu quyết tán thành chương trình làm việc gồm các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán AASC kiểm toán và báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của Ban Giám đốc.
- Thông qua báo cáo của HĐQT Công ty năm 2020, định hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
- Thông qua báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban kiểm soát năm 2020.
- Thông qua mức trả thù lao cho HĐQT trực tiếp tham gia điều hành, Ban kiểm soát năm 2020.



- Thông qua việc sử dụng 3.737.579.981 đồng từ quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận năm 2020 của Công ty làm vốn đối ứng cho dự án đầu tư di dời...
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2021.
- Ủy quyền cho HĐQT và Ban giám đốc lựa chọn đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách kiểm toán các Công ty niêm yết được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát Công ty thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế Tài chính Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020 theo đề xuất của Hội đồng quản trị tại các tờ trình số 08/VIH-ĐHĐCĐ, 09/VIH-ĐHĐCĐ, 10/VIH-ĐHĐCĐ và 11/VIH-ĐHĐCĐ.
- Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Thông qua đại hội đồng cổ đông ủy quyền: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc toàn quyền quyết định việc phê duyệt và quyết toán vốn đầu tư, công tác sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thanh lý Tài sản cố định, vật tư không cần dùng nhằm thu hồi vốn trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty.
- Công bố thông tin: Các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được đăng tải trên website <http://www.viglacerahanoi.com.vn>.
- Đại hội cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nội dung đã được Nghị quyết trên đây và báo cáo kết quả vào đại hội cổ đông kỳ họp lần sau.

## **2. Phần thảo luận và biểu quyết tại Đại hội:**

Tại Đại hội, đại diện Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành trình bày báo cáo, tờ trình theo nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.

Ý kiến chất vấn của cổ đông: Đại hội đã nghe các ý kiến phát biểu của các Cổ đông tham dự đi sâu vào các vấn đề tồn tại và các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty trả lời chất vấn của các cổ đông và được các cổ đông chấp thuận. Đại hội tiến hành biểu quyết từng nội dung đã được trình bày và thảo luận của Đại hội.

### **Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng nội dung cụ thể như sau:**

Tổng số phiếu phát ra là: 39 phiếu, tương đương 5.069.126 cổ phần.

Tổng số phiếu thu về là: 39 phiếu, tương đương 5.069.126 cổ phần.

**Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán AASC kiểm toán và báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của Ban Giám đốc như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	SS TH/KH 2020
1	Lợi nhuận trước thuế	trđ	15.000	15.102	101
2	Khấu hao cơ bản TSCĐ	trđ	17.200	17.085	99
3	Lao động bình quân	người	452	435	96
4	Thu nhập bình quân	trđ/ng/tháng	11,600	11,854	102
5	Năng suất lao động (DT/người)	trđ/người	1.201	1.288	107
6	Phải thu khách hàng	trđ	47.800	38.141	80
7	Giá trị thành phẩm tồn kho	trđ	69.800	74.929	107
8	Giá trị SXKD HH	trđ	540.000	564.855	105
9	Doanh thu	trđ	543.000	565.674	104
10	Nộp NSNN	trđ	22.100	28.723	130

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành: 5.061.826 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,86%
- Số cổ phần không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%
- Số cổ phần không có ý kiến: 7.300 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,14%

**Điều 2. Thông qua báo cáo của HĐQT Công ty năm 2020, định hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:**

**2.1 Thông qua báo cáo của HĐQT năm 2020 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 (có báo cáo chi tiết kèm theo)**

**2.2 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.**

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	12.458.599.935
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	3.737.579.981
3	Chi tiền lương HĐQT	168.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty	1.245.859.994
5	Chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% VDL, dự kiến chi trong quý III/20201	5.600.000.000
6	Lợi nhuận để lại năm sau	1.707.159.961
7	Lợi nhuận để lại lũy kế	7.807.924.971

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 3. Thông qua báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban kiểm soát năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Sản lượng sản xuất	m <sup>2</sup>	9.273.973
2	Doanh thu thuần	Đồng	556.691.072.248
3	Vốn điều lệ	Đồng	56.000.000.000
4	Nộp Ngân sách nhà nước	Đồng	28.723.057.348
5	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	11.854.000
6	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	Đồng	478.453.697.897
7	Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ	Đồng	468.826.037.387
8	Khấu hao TSCĐ trong năm	Đồng	17.085.016.792
9	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.458.599.935

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 4: Thông qua mức trả thù lao cho HĐQT trực tiếp tham gia điều hành, Ban kiểm soát năm 2020.**

Theo quy chế quản lý người đại diện số 88/TCT-HĐQT ngày 10/12/2019 của Tổng công ty Viglacera và theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 18/03/2020:

Thù lao Hội đồng quản trị:	216.000.000 đồng
Thù lao Ban kiểm soát:	78.000.000 đồng.

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 5. Thông qua việc sử dụng 3.737.579.981 đồng từ quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận năm 2020 của Công ty làm vốn đối ứng cho dự án đầu tư di dời...****Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành: 5.069.126 cổ phần, đạt tỷ lệ 100%
- Số cổ phần không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%
- Số cổ phần không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%

**Điều 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2021 với các nội dung sau:**

**6.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Lợi nhuận trước thuế	trđ	18.000
2	Khấu hao cơ bản TSCĐ	trđ	20.900
3	Lao động bình quân	người	446
4	Thu nhập bình quân	trđ/ng/tháng	12,332
5	Năng suất lao động (DT/người)	trđ/ng	1.338
6	Phải thu khách hàng	trđ	46.800
7	Giá trị thành phẩm tồn kho	trđ	70.900
8	Giá trị SXKD HH	trđ	596.800
9	Doanh thu	trđ	596.800
10	Nộp NSNN	trđ	22.900

**6.2 Dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS, mức chia cổ tức, mức thưởng Ban điều hành trong năm 2021:**

**6.2.1 Dự kiến mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:**

Thù lao Hội đồng Quản trị các thành viên Đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện theo Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty Viglacera – CTCP đầu tư vào Doanh nghiệp khác, ban hành kèm theo Quyết định số 88/TCT-HĐQT ngày 10/12/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty Viglacera – CTCP đầu tư vào Doanh nghiệp khác.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15 triệu đồng/người/quý
- Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc: 12 triệu đồng/người/ quý
- Các thành viên HĐQT còn lại: 9 triệu đồng/người/ quý
- Trưởng Ban kiểm soát: 10,5 triệu đồng/người/quý.
- Thành viên Ban kiểm soát: 4,5 triệu đồng/người/quý

**6.2.2 Dự kiến mức chia cổ tức năm 2021:**

- Dự kiến mức chia cổ tức năm 2021 không thấp hơn 10%.

### **6.2.3 Dự kiến mức thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2021:**

- Nếu Lợi nhuận trước thuế năm 2021 vượt 18 tỷ đồng sẽ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành 50% số lợi nhuận vượt sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 7:** Ủy quyền cho HĐQT và Ban giám đốc lựa chọn đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách kiểm toán các Công ty niêm yết được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát Công ty thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

#### **Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 8:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế Tài chính Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020 theo đề xuất của Hội đồng quản trị tại các tờ trình số 08/VIH-ĐHĐCĐ, 09/VIH-ĐHĐCĐ và 10/VIH-ĐHĐCĐ và 11/VIH-ĐHĐCĐ.

#### **Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 9:** Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu công ty cổ phần Viglacera Hà Nội
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 5.600.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan, cụ thể:
  - + Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp và triển khai các công việc liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về niêm yết chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Cổ đông và Công ty, cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

- + Ủy quyền cho HĐQT chủ động xây dựng hồ sơ niêm yết theo quy định và giải trình hồ sơ đăng ký niêm yết theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán.
- + Ủy quyền cho HĐQT thực hiện hủy Đăng ký giao dịch chứng khoán sau khi đã có chấp thuận niêm yết cổ phiếu.
- + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan để hoàn thành niêm yết cổ phiếu công ty trên Sở giao dịch chứng khoán.

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 10: Thông qua đại hội đồng cổ đông ủy quyền:**

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc toàn quyền quyết định việc phê duyệt và quyết toán vốn đầu tư, công tác sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thanh lý Tài sản cố định, vật tư không cần dùng nhằm thu hồi vốn trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 11: Công bố thông tin: Các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được đăng tải trên website <http://www.viglacerahanoi.com.vn>**

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 12: Đại hội cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triển khai thực hiện các nội dung đã được Nghị quyết trên đây và báo cáo kết quả vào đại hội cổ đông kỳ họp lần sau.**

**Phân biểu quyết:**

- Số tán thành:	5.069.126	cổ phần, chiếm tỷ lệ	100%
- Số không tán thành:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
- Số không có ý kiến:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

**III. PHÂN TỔNG KẾT ĐẠI HỘI**

1. Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 08 tháng 04 năm 2021, Ông Nguyễn Tất Thắng thay mặt đoàn thư ký trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội và đã được Đại hội biểu quyết thông qua với 100% phiếu tán thành.

2. Bế mạc: Ông Quách Hữu Thuận thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội kết thúc vào hồi 11h00 phút cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**BAN THƯ KÝ**



Ông Nguyễn Tất Thắng

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VIGLACERA  
HÀ NỘI



Ông Quách Hữu Thuận



Ông Lê Tiến Dũng



Ông Đinh Quang Huy

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ NỘI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội;
- Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội;
- Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội ngày 08/04/2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội được tổ chức tại Hội trường Nhà máy Viglacera Yên Phong, Khu công nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, ngày 08/04/2021 với 39 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 5.069.126 cổ phần bằng 90,52% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

**Điều 1:** Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán AASC kiểm toán và báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của Ban Giám đốc như sau:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	SS TH/KH 2020
1	Lợi nhuận trước thuế	trđ	15.000	15.102	101
2	Khấu hao cơ bản TSCĐ	trđ	17.200	17.085	99
3	Lao động bình quân	người	452	435	96
4	Thu nhập bình quân	trđ/ng/tháng	11,600	11,854	102
5	Năng suất lao động (DT/người)	trđ/ng	1.201	1.288	107
6	Phải thu khách hàng	trđ	47.800	38.141	80
7	Giá trị thành phẩm tồn kho	trđ	69.800	74.929	107
8	Giá trị SXKD HH	trđ	540.000	564.855	105
9	Doanh thu	trđ	543.000	565.674	104
10	Nộp NSNN	trđ	22.100	28.723	130



**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.061.826	cổ phần, đạt tỷ lệ	99,86%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	7.300	cổ phần, đạt tỷ lệ	0,14%

**Điều 2. Thông qua báo cáo của HĐQT Công ty năm 2020, định hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:**

**2.1 Thông qua báo cáo của HĐQT năm 2020 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 (có báo cáo chi tiết kèm theo)**

**2.2 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.**

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	12.458.599.935
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	3.737.579.981
3	Chi tiền lương HĐQT	168.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty	1.245.859.994
5	Chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% VDL, dự kiến chi trong quý III/2020	5.600.000.000
6	Lợi nhuận để lại năm sau	1.707.159.961
7	Lợi nhuận để lại lũy kế	7.807.924.971

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 3. Thông qua báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban kiểm soát năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Sản lượng sản xuất	m <sup>2</sup>	9.273.973
2	Doanh thu thuần	Đồng	556.691.072.248
3	Vốn điều lệ	Đồng	56.000.000.000
4	Nộp Ngân sách nhà nước	Đồng	28.723.057.348
5	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	11.854.000
6	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	Đồng	478.453.697.897
7	Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ	Đồng	468.826.037.387
8	Khấu hao TSCĐ trong năm	Đồng	17.085.016.792
9	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.458.599.935

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 4: Thông qua mức trả thù lao cho HĐQT trực tiếp tham gia điều hành, Ban kiểm soát năm 2020.**

Theo quy chế quản lý người đại diện số 88/TCT-HĐQT ngày 10/12/2019 của Tổng công ty Viglacera và theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 18/03/2020:

Thù lao Hội đồng quản trị:	216.000.000 đồng
Thù lao Ban kiểm soát:	78.000.000 đồng.

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 5. Thông qua việc sử dụng 3.737.579.981 đồng từ quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận năm 2020 của Công ty làm vốn đối ứng cho dự án đầu tư di dời...**

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2021 với các nội dung sau:**

**6.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Lợi nhuận trước thuế	trđ	18.000
2	Khấu hao cơ bản TSCĐ	trđ	20.900
3	Lao động bình quân	người	446
4	Thu nhập bình quân	trđ/ng/tháng	12,332
5	Năng suất lao động (DT/người)	trđ/ng	1.338
6	Phải thu khách hàng	trđ	46.800
7	Giá trị thành phẩm tồn kho	trđ	70.900
8	Giá trị SXKD HH	trđ	596.800
9	Doanh thu	trđ	596.800
10	Nộp NSNN	trđ	22.900

**6.2 Dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS, mức chia cổ tức, mức thưởng Ban điều hành trong năm 2021:**

**6.2.1 Dự kiến mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:**

Thù lao Hội đồng Quản trị các thành viên Đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện theo Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty Viglacera – CTCP đầu tư vào Doanh nghiệp khác, ban hành kèm theo Quyết định số 88/TCT-HĐQT ngày 10/12/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty Viglacera – CTCP đầu tư vào Doanh nghiệp khác.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15 triệu đồng/người/quý
- Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc: 12 triệu đồng/người/ quý
- Các thành viên HĐQT còn lại: 9 triệu đồng/người/ quý
- Trưởng Ban kiểm soát: 10,5 triệu đồng/người/quý
- Thành viên Ban kiểm soát: 4,5 triệu đồng/người/quý

**6.2.2 Dự kiến mức chia cổ tức năm 2021:**

- Dự kiến mức chia cổ tức năm 2021 không thấp hơn 10%.

**6.2.3 Dự kiến mức thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2021:**

- Nếu Lợi nhuận trước thuế năm 2021 vượt 18 tỷ đồng sẽ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành 50% số lợi nhuận vượt sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 7: Ủy quyền cho HĐQT và Ban giám đốc lựa chọn đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách kiểm toán các Công ty niêm yết được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát Công ty thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.**

**Phân biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 8:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế Tài chính Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020 theo đề xuất của Hội đồng quản trị tại các tờ trình số 08/VIH-ĐHĐCĐ, 09/VIH-ĐHĐCĐ 10/VIH-ĐHĐCĐ và 11/VIH-ĐHĐCĐ.

**Phản biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 9:** Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu công ty cổ phần Viglacera Hà Nội
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 5.600.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan, cụ thể:
  - + Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp và triển khai các công việc liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về niêm yết chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Cổ đông và Công ty, cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.
  - + Ủy quyền cho HĐQT chủ động xây dựng hồ sơ niêm yết theo quy định và giải trình hồ sơ đăng ký niêm yết theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán.
  - + Ủy quyền cho HĐQT thực hiện hủy Đăng ký giao dịch chứng khoán sau khi đã có chấp thuận niêm yết cổ phiếu.
  - + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan để hoàn thành niêm yết cổ phiếu công ty trên Sở giao dịch chứng khoán.

**Phản biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành:	5.069.126	cổ phần, đạt tỷ lệ	100%
- Số cổ phần không tán thành:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%
- Số cổ phần không có ý kiến:	0	cổ phần, đạt tỷ lệ	0%

**Điều 10:** Thông qua đại hội đồng cổ đông ủy quyền:

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc toàn quyền quyết định việc phê duyệt và quyết toán vốn đầu tư, công tác sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thanh lý Tài sản cố định, vật tư không cần dùng nhằm thu hồi vốn trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty

**Phản biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành: 5.069.126 cổ phần, đạt tỷ lệ 100%
- Số cổ phần không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%
- Số cổ phần không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%

**Điều 11: Công bố thông tin:** Các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được đăng tải trên website <http://www.viglacerahanoi.com.vn>

**Phản biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành: 5.069.126 cổ phần, đạt tỷ lệ 100%
- Số cổ phần không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%
- Số cổ phần không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0%

**Điều 12: Đại hội cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triển khai thực hiện các nội dung đã được Nghị quyết trên đây và báo các kết quả vào đại hội cổ đông kỳ họp lần sau.**

**Phản biểu quyết:**

- Số tán thành: 5.069.126 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%
- Số không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội thông qua toàn văn bản tại cuộc họp. Hội đồng Quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban CKNN;
- Sở GD CK Hà nội;
- Tổng công ty Viglacera- CTCP;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Các phòng ban;
- Lưu VP Công ty.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VIGLACERA  
HÀ NỘI**

*(Handwritten signature)*

**QUÁCH HỮU THUẬN**

T.C.P. H.N.

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

STT	Mã cổ đông	Họ và tên	Tổng số CP nắm giữ	Số CP uỷ quyền	Tổng CP biểu quyết	Ghi chú
1	001059008537	Nguyễn Minh Tuấn	593.000	24.200	617.200	
2	001074009673	Mai Quang Vinh	1.100	-	1.100	
3	001079014198	Lê Tiến Dũng	161.813	1.546.222	1.708.035	
4	001080012371	Lê Anh Tuấn	2.231	-	2.231	
5	001081017529	Tào Viễn Huy	400	-	400	
6	001174000249	Tô Thị Hồng Nhung	423	-	423	
7	001177006435	Dương Văn Anh	800	-	800	
8	001178013008	Bùi Thu Hằng	66.200	-	66.200	
9	001182011176	Nguyễn Thị Huệ	1.954	-	1.954	
10	012193223	Lê Thành Hào	2.100	-	2.100	
11	012660339	Nguyễn Thị Hiền	500	-	500	
12	012950133	Nguyễn Chí Hòa	40.100	-	40.100	
13	013347516	Phạm Hùng Sơn	40.400	-	40.400	
14	013523603	Nguyễn Văn Mạnh	700	-	700	
15	015075000010	Nguyễn Quang Nam	124.570	11.200	135.770	
16	019169000061	Ngô Thị Thanh Thủy	1.900	-	1.900	
17	026075002003	Nguyễn Văn Hoạch	100	-	100	
18	030084002867	Nguyễn Tuấn Anh	2.600	-	2.600	
19	030085000874	Nguyễn Thế Tuyển	100	-	100	
20	033055000686	Lê Trọng Dũng	7.300	-	7.300	
21	035043000037	Đình Quang Huy	282.968	-	282.968	
22	090742222	Nguyễn Quang Thái	58.800	-	58.800	
23	111400781	Đỗ Lai Hải	1.100	-	1.100	
24	125050014	Nguyễn Cao Cường	100	-	100	
25	125053300	Nguyễn Thị Thơm	4.700	8.926	13.626	
26	125112232	Nguyễn Văn Hoàn	500	-	500	
27	125127788	Nguyễn Hữu Cường	100	-	100	
28	125706349	Hoàng Đôn	400	-	400	
29	125868794	Phạm Văn Thế	100	-	100	
30	141123898	Phạm Văn Đoàn	1.300	-	1.300	
31	141626230	Dư Đức Thu	600	-	600	
32	141694052	Phạm Công Toại	3.000	-	3.000	
33	141697495	Phạm Quý Quỳnh	5.300	15.600	20.900	
34	141898604	Vũ Trường Hạnh	400	-	400	
35	VSDVIH125059290	Mẫn Thị Luận	100	100	200	
36	VUQ00001	Quách Hữu Thuận	-	1.466.473	1.466.473	
37	VUQ00002	Cao Thị Nhung	-	504.000	504.000	
38	VUQ00003	Phùng Việt Quang	-	44.546	44.546	
39	VUQ00004	Trần Giang Nam	-	40.100	40.100	
<b>CỘNG</b>			<b>1.407.759</b>	<b>3.661.367</b>	<b>5.069.126</b>	90,52%

THỦ KÝ ĐẠI HỘI

*(Chữ ký)*

NGUYỄN TẮT THẮNG

